

CHƯƠNG 5:

TƯ TƯỚNG QUÂN SỰ CỦA TƯỚNG GIỚI THẠCH

Cuộc nội chiến giữa các quân phiệt trong thập niên 1920 đã gần như hủy hoại toàn thể quốc gia và đưa Trung Hoa đến bên bờ vực thẳm. Tuy nhiên, một biến cố bất ngờ đã xảy ra năm 1924 trong Quốc Dân Đảng làm đổi hướng chính trị của Trung Hoa chỉ trong vài năm và ảnh hưởng sâu đậm đến hệ thống quân sự của Trung Hoa.

Như đã đề cập trong chương trước, Quốc Dân Đảng triệu tập Đại Hội đầu tiên năm 1924, trong đó Đảng ngoài những công tác khác còn quyết định thành lập Quân Sự học hiệu riêng để xây dựng lực lượng tương tự như Liên Xô. Sau khi đại hội bế mạc, Tưởng Giới Thạch, một tướng lĩnh trẻ tuổi và là người thân tín của Bác sĩ Tôn Dật Tiên, được chỉ định làm hiệu trưởng trường này tháng 3 năm 1924. Từ đó, Tưởng Giới Thạch trở thành một ngôi sao đi lên của cách mạng Trung Hoa. Chỉ trong vài năm ông đã nắm quyền lãnh đạo Đảng sau khi đánh bại các quân phiệt bằng lực lượng cách mạng mới đào tạo. Ông thống nhất Trung Hoa dưới một chính quyền trung ương, ít ra trên hình thức. Ông liên tục đóng vai trò chủ chốt trên chính trường Trung Hoa trong 25 năm cho đến 1949, khi ông phải chạy khỏi lục địa. Ông định cư ở Đài Loan, nơi ông tiếp tục kiểm soát hòn đảo bằng chính sách độc tài cá nhân 25 năm nữa đến khi ông mất năm 1975.

Trong suốt thời gian dài nắm quyền ở Trung Hoa cũng như tại Đài Loan, vai trò quân sự được củng cố chặt chẽ và ông đẩy việc canh tân hóa tiến một bước dài. Thực vậy, mặc dầu ông bị thất bại trong trận nội chiến chống lại Cộng Sản nhưng không thể vì thế mà có thể phủ nhận thành tích ông đạt được. Cho nên, nghiên cứu tư tưởng quân sự của ông, chúng ta sẽ bắt được nhịp cầu giữa thời kỳ đầu Dân Quốc với giai đoạn Mao Trạch Đông khai triển quan niệm về chiến tranh nhân dân vào thời tương tranh Quốc - Cộng và chiến tranh giải phóng.

1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA TƯ TƯỚNG TƯỚNG GIỚI THẠCH

Tướng Giới Thạch sinh năm 1887, 8 năm trước cuộc Trung Nhật chiến tranh và 13 năm trước nạn Quyền Phỉ (Boxer Rebellion) và Bát Quốc Liên Quân tấn công Trung Hoa. Các thất bại này khiến người Trung Hoa ai ai cũng thấy nhục nhã. Cũng như bao nhiêu thanh niên Trung Hoa thời bấy giờ chứng kiến nỗi quốc thống ấy, Tướng Giới Thạch trở nên yêu nước và theo chủ nghĩa quốc gia.

Thời thơ ấu và gần hết tuổi thiếu niên ông sống tại quê nhà, thôn Khê Khẩu (Xikou), huyện Phụng Hóa (Fenghua), tỉnh Triết Giang (Zhejiang). Ông học theo lối cổ tại một trường tư đến năm 17 tuổi (1903) thì được vào Phụng Lộ học đường (Fenglu) tại huyện Phụng Hóa, thời đó đã áp dụng một chương trình giáo dục mới mẻ hơn. Về sau ông được ông thầy là Cố Thanh Liêm (Gu Qinglian) khuyên nên ra nước ngoài học quân sự ngõ hầu sau này giúp nước chống ngoại xâm. Cố Thanh Liêm còn dạy cho ông về Tôn Tử Bình Pháp và về cuộc cách mạng do Bác Sĩ Tôn Dật Tiên chủ xướng. Dưới ảnh hưởng chính trị mạnh mẽ ấy, sự nghiệp cá nhân của Tướng Giới Thạch bắt đầu định hướng và dần dần phát triển. Ông nhất quyết ra ngoại quốc học và đi theo cách mạng sau này.

Tướng Giới Thạch sang Nhật học năm 1906 nhưng chỉ vài tháng sau lại quay về. Chỉ ít lâu sau ông được nhận vào học ở Bảo Định Quân Sự Học Hiệu (Baoding) và vào trường mùa hè năm 1907. Tuy nhiên ông chỉ ở vài tháng rồi lại qua Nhật đầu năm 1908 khi ông cùng với khoảng 60 thanh niên khác được Nhật nhận cho học về quân sự.

Ông được vào học tại Chấn Võ học đường (Zhenwu) khi ông tới Tokyo năm 1908. Ông hoàn tất chương trình huấn luyện dự bị ba năm và đến năm 1910 được gửi tới một đơn vị Nhật Bản thực tập với tư cách binh nhì, là điều kiện bắt buộc cho những ai muốn vào học các trường võ bị của Nhật Bản. Trước khi ông hoàn tất một năm tập sự thì xảy ra cách mạng Tân Hợi ở Vũ Xương nên ông trở về Trung Hoa ngay khi nhận được thư của Trần Kỳ Mỹ (Chen Qimei),

một người bạn thân và cũng là một lãnh tụ quan trọng của Đồng Minh Hội. Từ lúc đó, ông bước chân vào võ nghiệp.

Vào tháng 6 năm 1910, khi Tưởng Giới Thạch còn học tại trường Chấn Võ bên Nhật, Trần Kỳ Mỹ có giới thiệu ông với Bác Sĩ Tôn Dật Tiên. Sau lần gặp đó, Tôn Văn nói với Trần là "anh ta là thành phần vô giá của Đồng Minh Hội. Một ngày nào đó, không còn ngờ gì, anh ta sẽ trở thành một người thực hành công cuộc cách mạng" (Cách mạng thực hành gia - Geming Shixing Gya).

Nhờ Trần Kỳ Mỹ sắp đặt, Tưởng Giới Thạch tham dự vào chiến dịch, thành công trong việc chiếm dinh Tuần Phủ Triết Giang tại Hàng Châu. Sau đó Trần cử ông làm tiểu đoàn trưởng chỉ huy một tiểu đoàn mới thành lập nhưng mấy tháng sau ông từ chức để sang Đức học quân sự tiếp. Thế nhưng ông không bao giờ tới Đức vì bị cuốn vào cuộc Cách Mạng lần thứ hai năm 1913. Sau khi cuộc cách mạng thất bại, Tưởng Giới Thạch phải chạy qua Nhật tị nạn cùng với các lãnh tụ khác và từ đó trở đi, liên hệ của ông với Bác Sĩ Tôn Dật Tiên càng thêm mật thiết và nhận lệnh trực tiếp của người lãnh tụ. Ông trở thành một người tâm phúc của Tôn Văn.

Sau khi Viên Thế Khải chết, Tôn Văn từ Quảng Đông lãnh đạo cuộc hành quân Bắc Phạt để đánh các sứ quân Bắc dương năm 1917. Tuy nhiên, các tranh chấp nội bộ vẫn chưa dứt. Ngay cả tính mạng của Tôn Văn có lần cũng nguy hiểm vì cuộc nổi loạn của Trần Quýnh Minh (Chen Jionming) Trong thời kỳ khó khăn đó, Tưởng Giới Thạch đã chứng tỏ dạ trung thành với Tôn Văn khi ông hồi hải chạy tới Quảng Đông sát cánh chống lại Trần Quýnh Minh hồi tháng 6 năm 1922.

Sau khi dẹp tan được vụ nổi loạn năm 1923, thì rõ ràng là không có lực lượng hiện hữu nào dưới quyền chỉ huy của cách mạng có thể tin cậy được. Tôn Văn phải xây dựng lực lượng riêng để tiến hành công cuộc cách mạng. Vì lý do đó, ông quyết định thành lập một trường võ bị để đào tạo sinh viên sĩ quan. Ông cử Tưởng Giới Thạch du hành quan sát tại Liên Xô vào tháng 8 năm 1923 để học

hỏi hệ thống quân sự Xô Viết. Tưởng lưu lại Nga ba tháng và khi trở về làm một báo cáo lên Tôn Dật Tiên.

Chỉ một năm sau ngày Tưởng Giới Thạch đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy Trưởng trường võ bị Hoàng Phố thì Tôn Văn đột ngột từ trần trong khi đi Bắc Kinh thương thuyết thống nhất Trung Hoa bằng đường lối hòa bình với chính phủ miền Bắc. Cái chết của Tôn Văn khiến cho quyền lãnh đạo trong Quốc Dân Đảng trở nên rối loạn. Nhờ đó Tưởng Giới Thạch có cơ hội vận động những phe nhóm khác nhau trong đảng để chính ông lên nắm quyền. Hợp tác với quân đội Quảng Tây, ông thống nhất được Quảng Đông, Quảng Tây trong hai năm. Năm 1927, Tưởng tiến hành Bắc Phạt và sẵn sàng thống nhất quốc gia bằng võ lực.

Theo quan niệm chính trị cổ thời, một nhà lãnh đạo lý tưởng phải là một bậc Thánh quân (Shengjun) tức là một ông vua toàn thiện theo nghĩa triết học. Để trở nên thánh quân, người cầm quyền phải lỗi lạc về mọi phương diện. Ông ta phải đưa ra được những khuôn mẫu đạo đức vượt thời gian, nhân từ, uyên bác. Áp dụng vào chính trị Trung Hoa hiện đại, một lãnh tụ chẳng khác gì hình ảnh của Đấng Tối Cao. Không chỉ là một chính trị gia mà còn phải là một tư tưởng gia, chiến lược gia, kinh tế gia và triết gia. Hình ảnh đó ít nhiều đã phản ánh vai trò của Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, trong 50 năm cầm quyền đã để lại cho đời nhiều tác phẩm bàn về nhiều lãnh vực trong đó có chính trị, quân sự và triết học. Những tác phẩm đó bao gồm cả chính tư tưởng của ông và của người khác.

Tưởng Giới Thạch là môn đệ trung thành của Vương Dương Minh (Wang Yangming), một triết gia thời Minh. Ông tin rằng nếu Trung Hoa muốn đánh bại được chủ nghĩa đế quốc Nhật thì trước hết người Trung Hoa phải đánh bại được tinh thần Võ Sĩ Đạo (Bushido) của Nhật, vốn dĩ dựa theo học thuyết của Vương Dương Minh mà thành. Cho nên ông đề nghị mọi người phải học triết học Vương Dương Minh và thực hành nó. Ông giáo dục các sĩ quan phải hành động sao cho phù hợp với lương tâm (Chí Lương Tri).

Ngoài ra, vì du học tại Nhật nên những tác phẩm viết về quân sự sơ khởi của ông mang ảnh hưởng nhiều tính cách của Nhật. Tuy nhiên, nhờ có viện trợ Mỹ những năm về sau, các tư tưởng quân sự Tây Phương lại ghi dấu trong những tác phẩm thời kỳ này.

Vì theo con đường của Tôn Dật Tiên nên ông cũng ảnh hưởng nhiều. Ông theo chính sách của Tôn Văn và vì thế muốn huấn luyện một lực lượng cách mạng trang bị tinh thần cách mạng, có can đảm chống lại một lực lượng đông đảo hơn vì mọi người đều sẵn sàng chết vì cách mạng.

2. QUAN ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI

Một quốc gia không thể nào tồn tại được lâu nếu không có một lực lượng để tự vệ và quân đội chính là tâm điểm của quốc phòng. Vì thế, xây dựng một lực lượng võ trang thường là ưu tiên số một của quốc gia.

Khi bàn đến xây dựng quân đội, không thể không đặt ra một số câu hỏi: Mục đích của quân đội quốc gia? Lực lượng võ trang nào quốc gia cần để hoàn thành sứ mạng? Các lực lượng đó xây dựng như thế nào?

A. Việc thành lập trường võ bị Hoàng Phố

Một lần ở Đài Loan, Tưởng Giới Thạch đã nhắc lại quan điểm của ông về xây dựng lực lượng quân sự. Ông nói rằng khi ông còn trẻ, ông đã mơ đến việc thành lập một trường võ bị để huấn luyện những thanh niên Trung Hoa nhiệt huyết theo đường lối của ông. Trường võ bị đó không những có thể xây dựng nên một lực lượng hiện đại để hoàn thành việc Bắc Phạt mà còn để xây dựng một quốc gia tân tiến.

Từ báo cáo của ông lên Bác Sĩ Tôn Dật Tiên khi ông từ Liên Xô trở về, người ta có thể biết được ông tin tưởng mạnh mẽ vào việc xây dựng một trường võ bị như thế nào. Ông viết:

Muốn quốc gia cường thịnh thì trước hết phải thống nhất. Muốn thống nhất thì phải tiêu diệt các quân phiệt. Muốn tiêu diệt các quân phiệt thì phải xây dựng và củng cố lực lượng võ trang của ta. Cho nên, quốc gia thống nhất và phú cường tùy thuộc vào việc xây dựng một trường võ bị.

Mặc dầu ông coi rằng mục tiêu tối hậu của việc thành lập trường võ bị là để đất nước phú cường nhưng mục đích trước mắt lại là hoàn thành mục tiêu của Cách Mạng. Thành thử, lực lượng võ trang xây dựng nên phải là lực lượng cách mạng và do Đảng kiểm soát. Đó phải là lực lượng của Đảng (Đảng quân) và chiến đấu vì mục tiêu cách mạng. Khi trường thành lập năm 1924, tên chính thức của nó là Trung Quốc Quốc Dân Đảng Lục Quân Quân Quan Học Hiệu (Zhongguo Guomindang Lujun Junguan Xuexiao). Người ta còn gọi là Trường Võ Bị Hoàng Phố vì thiết lập tại Đảo Hoàng Phố xuôi giong Châu Giang, cách Quảng Châu độ 10 km.

Tướng Giới Thạch không phải là người đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa cận đại thành lập một trường võ bị. Như đã đề cập ở Chương 3, ảnh hưởng của Dương Vụ Vận Động, Lý Hồng Chương và Tả Tông Đường cũng đã mở những trường quân sự. Nhiều trường tương tự cũng đã được các Tổng Đốc Nam Kinh, Vũ Xương và Quảng Châu thành lập. Sau cuộc Trung - Nhật chiến tranh và loạn Quyền Phỉ, triều đình cũng ra lệnh cho các quan chức địa phương huấn luyện Tân Quân và yêu cầu các tỉnh thành lập các trường võ bị. Tuy nhiên, trong khi cả nước ào ạt thành lập quân quan học hiệu và tổ chức quân đội thì chính quyền lại không đưa ra những nguyên tắc hướng dẫn. Thiếu sót đó gây ra việc địa phương hóa quân đội Trung Hoa và có thể đã gây ra nạn quân phiệt ly khai trong thập niên 1920.

Vào khoảng 1906, triều đình Mãn Thanh nỗ lực lần cuối để tập trung lực lượng trong tay chính quyền trung ương và cũng tiêu chuẩn hóa các trường quân sự. Một hệ thống giáo dục quân sự ba cấp được soạn thảo. Trường võ bị bậc "tiểu học" thành lập tại mỗi tỉnh lỵ. Ba trường võ bị bậc "trung học" được thành lập tại Thanh Hà Trấn (Qinghe Zhen) ở Hà Bắc, Vũ Xương ở Hồ Nam và Nam Kinh ở

Giang Tô. Một trường võ bị (Binh quan học đường - Bingguan Xuetang) và một đại học quân sự được thành lập ở Bảo Định, Hà Bắc. Sau cách mạng Tân Hợi, những trường này đều bị đóng cửa vĩnh viễn, ngoại trừ trường võ bị và đại học quân sự Bảo Định về sau mở lại năm 1912.

Nhiều lãnh tụ quân sự Trung Hoa cận đại trong Quốc Dân Đảng được huấn luyện tại Bảo Định quân sự học hiệu và các trường võ bị khác mở tại các tỉnh. Khi trường Hoàng Phố được thành lập, trái ngược với các trường cũ của triều đình, có rất ít vũ khí và trang bị. Các sinh viên hoàng Phố chỉ có chí nguyện chiến đấu đánh tan các lực lượng chống đối để thống nhất đất nước. Cho nên, ở đây đặc biệt nhấn mạnh đến sự quan trọng của tinh thần sẽ lướt thắng mọi khiếm khuyết vật chất.

B. Sự thành lập Các Lực Lượng Quân Sự của Đảng và Hệ Thống Chính Ủy

Trường võ bị Hoàng Phố được lập ra nhằm mục đích hoàn thành những mục tiêu cách mạng còn dang dở. Nhưng làm thế nào xây dựng được một lực lượng cách mạng? Theo Tưởng Giới Thạch thì "chỉ những quân nhân nào hoàn toàn quán triệt lý thuyết của Đảng (Đảng Nghĩa) mới tuân lệnh của Đảng, chỉ những cán bộ nào tin vào chủ nghĩa của Đảng mới thành lập được một lực lượng cách mạng".

Để bảo đảm rằng lực lượng quân sự sẽ tuân lệnh của Đảng và chiến đấu cho mục tiêu cách mạng thì Đảng phải kiểm soát được cả tổ chức lẫn ý thức quân đội. Để đạt được mục tiêu đó, Quốc Dân Đảng du nhập hệ thống Chính Ủy của Hồng quân Liên Xô. Khi Tưởng Giới Thạch được giao cho chức vụ chỉ huy trường trường võ bị Hoàng Phố năm 1924, Ủy Ban Trung Ương Quốc Dân Đảng cũng đồng thời cử Liêu Trọng Khải (Leo Zhongkai) làm đại diện của Đảng tại đây. Một Ban Chính trị được thành lập chịu trách nhiệm về sắp xếp chương trình chính trị, tuyên truyền và điều hành các công tác chính huấn để biến các sinh viên thành những cán bộ cách mạng nhiệt tình. Tất cả các sinh viên sĩ quan và sĩ quan được gia nhập Đảng.

Theo lệnh của Quốc Dân Đảng, các đơn vị địa phương bắt đầu hành quân Đông Phạt đánh Trần Quýnh Minh năm 1925. Các sinh viên sĩ quan Hoàng Phố được tổ chức thành "hiệu quân" (quân đội nhà trường - xiaojun) và sau này biến thành "đảng quân" (quân đội đảng - Dangjun) để tham gia chinh phạt. Tổ chức đảng cũng thành lập song song với quân đội. Liêu Trọng Khải trở thành Quân ủy và chỉ đạo các hoạt động chính trị của quân đội. Một hệ thống tương tự được thành lập tới cấp đại đội, đảm nhiệm công tác chính trị.

Năm 1926, khi Quốc Dân Đảng chuẩn bị hành quân Bắc Phạt, dựa trên kinh nghiệm của lần Đông Phạt, họ đưa ra 2 qui tắc để điều hành công tác chính trị trong quân đội. Một qui tắc là "Luật lệ qui định về đại diện Đảng trong Quân đội Cách mạng Quốc gia" và qui tắc kia là "Luật lệ tổ chức Ban huấn luyện Chính trị". Sau đó, hệ thống tổ chức chính trị được chính thức thành lập trong mọi đơn vị do Quốc Dân Đảng chỉ huy.

Trong một bài diễn văn đọc trước tổ Tuyên truyền của ban Huấn luyện Chính trị tại Từ Châu (Xuzhou), Tưởng Giới Thạch khẳng định lại quan điểm xây dựng các đơn vị chính trị trong quân đội. Nhiệm vụ ban đầu chỉ hạn chế trong tuyên truyền và chính huấn. Ông kêu gọi các cán bộ chính trị phải làm gương để tạo được niềm tin cho binh sĩ. Dường như ông đòi hỏi cán bộ chính trị đóng vai thầy giáo cho quân đội.

Hệ thống chính ủy trong quân đội Quốc Dân Đảng không được lâu và sụp đổ sau Biến Cố Tế Nam (Jinan) ngày 3 tháng 5, 1928. Tưởng Giới Thạch cách chức tất cả các chính ủy và giải tán cơ chế này từ cấp trung đoàn xuống tới đại đội. Về sau giải tán cả cấp sư đoàn. Sau cùng hệ thống chính ủy chỉ còn giữ lại ở cấp quân đoàn mà thôi.

Lý do của sự thay đổi mãnh liệt đó, theo tác giả của cuốn Lịch sử Chiến Tranh Chính Trị trong Quân đội Cách Mạng Quốc gia gồm có hai mặt: một là khả năng kém cỏi của các chính trị viên và hai khó khăn về tài chính. Một lý do khác cũng có thể là vì tương quan giữa cấp chỉ huy quân sự và chính trị viên ngày càng đi xuống. Như

Tướng Giới Thạch đã nói với các chính trị viên năm 1929, hầu hết các đại diện Đảng và các chính ủy hoặc là Cộng Sản, hoặc thân Cộng. Sau khi trục xuất được các thành phần Cộng Sản ra khỏi Đảng, các chính trị viên không còn được binh sĩ tin tưởng nữa. Ngoài ra, các cấp chỉ huy và binh sĩ, ngay từ đầu vốn không ưa các đại diện Đảng và chính trị viên. Chỉ vì sợ nên không ai dám phê bình người của Đảng. Thành ra nhân cơ hội thanh trừng các thành phần Cộng Sản, họ chống luôn cả các chính trị viên và toàn bộ hệ thống. Thái độ bất hợp tác của binh sĩ với chính trị viên thực ra không có liên quan gì tới việc các chính ủy có liên hệ với Cộng Sản cả, mà vì càng ngày quyền hành càng lớn khiến cho các cấp chỉ huy quân sự bị mất tự do. Tướng Giới Thạch có nói:

Lý do quan trọng nhất liên quan tới việc kiểm soát và can thiệp của Đảng và các chính ủy trên các hoạt động quân sự khiến cho các cấp chỉ huy quân đội mất tự do gây ra mâu thuẫn giữa hai bên.

Khi hệ thống này được đưa ra thực hiện trong quân đội, hầu hết các cấp lãnh đạo trong Quốc Dân Đảng không nhận thức được sự quan trọng của nó nên không tham gia. Trái lại, thành phần Cộng Sản trong Đảng rất quan tâm. Họ tích cực tình nguyện và chiếm đa số trong các đại diện Đảng và chính trị viên. Sau khi họ bị loại trừ, Quốc Dân Đảng không đủ người có đủ khả năng thay thế các chỗ trống. Những người đến thay thành phần Cộng Sản trong nhiệm vụ chính trị viên không biết cách làm việc. Nhiều người còn lạm dụng quyền hành để mưu lợi riêng. Thành thử hệ thống bị hỏng.

Tới thập niên 1930, hệ thống được tái lập và củng cố để chống lại Cộng Sản trong trận nội chiến. Tuy nhiên, hệ thống đó không cạnh tranh được với hệ thống chính ủy của Giải Phóng Quân cho đến thập niên 1950 khi Quốc Dân Đảng thiên di ra Đài Loan và người con trưởng của Tướng Giới Thạch là Tưởng Kinh Quốc (Jiang Jingguo) được bổ nhiệm chức vụ Giám Đốc Tổng Nha Chiến Tranh Chính Trị. Tưởng Kinh Quốc hữu hiệu hơn những người tiền nhiệm, không phải vì ông giỏi hơn nhưng vì ông là người duy nhất có đủ quyền lực trấn áp những thành phần có thể chống đối trong quân đội. Vừa là một quân nhân chuyên nghiệp, vừa là một lãnh tụ chính

trị đầy tham vọng, Tưởng Giới Thạch luôn luôn cảnh giác để bảo vệ quyền hành. Là Tổng Tư Lệnh quân đội Quốc Dân Đảng, ông muốn kiểm soát lực lượng võ trang bằng cách nhấn mạnh vào lòng trung thành của cá nhân hơn là dựa vào hệ thống chính trị viên. Vì thế, không có những đại diện Đảng nhiều quyền hành, có thể vượt lên trên các quyết định của các cấp chỉ huy quân sự như tổ chức Hồng quân. Dẫu sao, khi quân Quốc Dân Đảng bị đánh bại và phải di chuyển sang Đài Loan, tình hình đã quá tệ hại khiến cho Tưởng Giới Thạch bắt buộc phải củng cố hệ thống chính trị trong quân đội ngõ hầu tránh được sự xâm nhập của các cán bộ Cộng Sản. Dưới sự lãnh đạo của Tưởng Kinh Quốc, hệ thống chính ủy được mở rộng quyền hành để có thể hoàn thành nhiệm vụ. Việc kiểm soát chính trị đối với quân sự tại Đài Loan sẽ thảo luận sau. Hiện tại chúng ta cần phân tích tinh thần của các lực lượng võ trang cách mạng.

C. Nguồn gốc và Tinh thần Cách Mạng

Ngoài việc kiểm soát trên tổ chức của các lực lượng quân sự bằng hệ thống chính trị, kiểm soát đáng kể nhất với binh sĩ đạt được qua việc học tập chính trị để chuyển biến các quan điểm về cuộc đời. Làm như thế, các nhà lãnh đạo Đảng và các cấp chỉ huy quân đội hi vọng sẽ tăng cường ý nguyện chiến đấu cho cách mạng của người lính. Từ các bài diễn văn của Tưởng Giới Thạch nói chuyện với sinh viên sĩ quan ở Hoàng Phố, người ta thấy rằng ông đặc biệt chú trọng đến yếu tố tinh thần trong chiến tranh. Theo ông, một quân đội cách mạng phải dựa vào tinh thần cách mạng đặc biệt để chiến thắng quân thù. "Nếu không có tinh thần đó thì không thể chiến thắng và cũng không còn là một quân đội cách mạng".

Một quân đội có được gọi là quân đội cách mạng hay không cũng là trên căn bản tinh thần. Nếu nó có tinh thần cách mạng, đó là một lực lượng cách mạng, nếu không thì không thể gọi là một quân đội cách mạng. Tưởng Giới Thạch cho rằng tinh thần gồm những đặc tính sau đây:

a/ Can đảm dám chết

Theo Tưởng Giới Thạch, thái độ biểu lộ của tinh thần cách mạng là dám liều. Ông nói "Nếu một người không dám liều mình thì không có cách nào chứng tỏ được tinh thần của người đó. Chỉ có ai dám chiến đấu chống quân thù tới hơi thở cuối cùng thì người đó mới mong thắng trận".

Một người dám liều thân hay không tùy thuộc vào quan niệm của người đó về sự sống và sự chết. Tưởng Giới Thạch lập đi lập lại vấn đề này với các khóa sinh nhiều lần. Khi đọc bài diễn văn đầu tiên trong tư cách hiệu trưởng trường võ bị Hoàng Phố, ông giải thích quan niệm đó một cách xác quyết. Ông kêu gọi mọi tân khóa sinh đặt cho mình một mục tiêu cuộc đời. Ông nói:

Mục tiêu của cuộc đời mỗi người không phải nhắm vào bản thân mình mà là phụng sự nhân loại.

Nếu hiểu đúng nghĩa cuộc đời thì ai ai cũng hiểu được giá trị của sống và chết. Trong cùng bài diễn văn đó, Tưởng Giới Thạch nói với sinh viên:

Nhiệm vụ của một quân nhân chỉ có thể diễn tả bằng chữ "chết", và đó là mục đích của sinh mạng một chiến sĩ ... Nếu người nào không hiểu vấn đề đó mà chỉ nghĩ tới bảo tồn mạng sống mình không đếm xỉa gì đến công lý, thì kẻ đó chẳng những không xứng đáng là một chiến sĩ mà cũng chẳng xứng đáng là một con người ... Cuộc đời chúng ta không chỉ giới hạn trong kiếp này mà phải lưu danh muôn thuở. Một cuộc đời đích thực còn tồn tại hàng nghìn năm sau khi ta nằm xuống. Nếu cuộc đời ta còn được hậu thế nhắc nhở thì có xá gì xác thân ta hủ nát.

Ngày xưa có người nói rằng ai ai cũng phải chết. Nếu cái chết của ta ích lợi cho nhân quần thì nó nặng như non Thái, trái lại, nếu không làm được gì cho xã hội thì nó nhẹ như lông hồng. Những lời của Tưởng Giới Thạch cũng có ý nghĩa như thế. Ngoài quan niệm về sống chết, lời giải thích của ông còn một nghĩa rộng hơn. Dưới nhãn quan một cấp chỉ huy, nếu binh sĩ không còn quan tâm tới mạng sống của họ, sẵn sàng chết trong những trận chiến quyết định

thì đội quân đó là đội quân vô địch. Một lực lượng cách mạng thường là không được trang bị đầy đủ nên cần phải dựa vào tinh thần siêu việt để bù lại những khiếm khuyết. Lời của Tưởng Giới Thạch là nhằm mục đích đó.

b/ Một chống Mười

Tưởng Giới Thạch cũng trình bày một chiến lược tương tự như Bác Sĩ Tôn Dật Tiên nói với các khóa sinh. Ông nói:

Trường võ bị này không phải như các trường khác. Đây là quân sự học hiệu của một đảng cách mạng. Như Tổng Lý (Tôn Văn) của chúng ta thường nói "để trở thành quân đội cách mạng thì một người lính của ta phải đánh được trăm tên địch". Theo tôi, nếu một quân nhân cách mạng nếu vững tay súng và bắn cho trúng mục tiêu thì chẳng phải chỉ một chống trăm mà có thể chống cả ngàn, cả vạn tên địch ... Sao có thể như thế? Chính là tại không sợ chết.

Từ câu nói trên, người ta có cảm tưởng rằng phương pháp thiết yếu để một người địch trăm người là thiện xạ, bình tĩnh đối địch trên chiến trường. Tuy nhiên, trong những trường hợp khác, ông lại đưa ra một phương pháp ba giai đoạn để thành ông trong chiến lược cách mạng. Chiến lược thứ nhất là tinh thần đoàn kết. Theo Tưởng Giới Thạch, vì sự bất lợi về nhân số và trang bị, các lực lượng cách mạng cần phải chứng tỏ tinh thần đoàn kết cao độ trong chiến đấu, nếu không sẽ khó mà thắng được. Chiến lược thứ hai là tập trung lực lượng vào một mặt trận đã chọn. Có như thế, lực lượng cách mạng mới chuyển hóa tư thế hạ phong thành thế thượng phong, và như vậy sẽ thắng trận dễ dàng. Sau thành công đầu tiên, sẽ mở rộng chiến thắng bằng cách đánh vào mạng sườn hay tập hậu địch. Chiến lược sau cùng theo Tưởng là "can đảm dám liều" chỉ lập lại nguyên tắc "không sợ chết". Triết lý của ông là nếu một người không sợ kẻ thù thì chính kẻ thù phải sợ mình, nếu địch dọa cho mình sợ được thì họ càng thêm can đảm.

c/ Nhấn Mạnh về Kỷ Luật

Kỷ luật rất quan yếu đối với quyền lực của quân đội. Không có kỷ luật thì một đoàn quân chỉ còn là một bọn cướp có võ trang. Không có kỷ luật, họ không thể nào chiến đấu cho hiệu quả khi gặp địch mạnh trên chiến trường. Nghiêm đã từ lâu được coi là một trong 5 đức tính của cấp chỉ huy quân sự của người Trung Hoa. Không một quân sự gia tài ba nào trong lịch sử mà không nổi tiếng về nghiêm lệnh. Người ta thường hay đồng hóa kỷ luật với trừng phạt, nghiêm khắc với tàn ác hay bạo ngược. Cho nên, kỷ luật thường gắn liền với quân pháp. Kỷ luật theo nguyên ngữ gồm kỷ là nguyên tắc và luật là định chế, lễ lối. Thành ra quân kỷ cũng là quân luật. Tuy nhiên ngày nay, kỷ luật không chỉ giới hạn trong việc trừng phạt mà thôi.

Sái Ngạc đã bàn trong chương trình quân sự của ông không phải đạo đức mà cũng chẳng phải trừng trị đủ giữ người lính chiến đấu trường kỳ và gian khổ. Lòng yêu nước cũng mờ nhạt khi tình thế quá khó khăn, trừng phạt không đủ ngăn quân sĩ bỏ chạy khi áp lực địch quá mạnh. Vì thế ông nhắc lại thuyết của Darwin trong đó nói rằng tin tưởng có thể giữ binh sĩ lại với nhau trong những tình huống gian nan trong chiến trận. Với niềm tin, binh sĩ tin rằng cấp chỉ huy sẽ đưa họ tới chiến thắng và không bao giờ cấp trên bỏ họ mà chạy. Tin tưởng hỗ tương đó chính là cốt tủy của quân kỷ.

Quan điểm của Sái Ngạc về quân kỷ được áp dụng rộng rãi trong quân đội cách mạng vì hầu hết các chiến sĩ đều có một niềm tin khiến cho họ sẵn sàng hi sinh mạng sống mà không ân hận.

Mặc dầu niềm tin quan trọng đối với quân đội nhưng không ai phủ nhận vai trò của luật pháp trong việc duy trì những vai trò cần thiết cho quân kỷ. Ngay cả Sái Ngạc cũng không phủ nhận điều đó.

Tư tưởng của Tưởng Giới Thạch tương tự như Sái Ngạc. Ông nói: "Quân sĩ phải tuân lệnh cấp trên và không bao giờ được mất niềm tin vào các sĩ quan. Nếu người nào không làm như thế thì ắt là họ không hiểu rõ lý thuyết của Đảng và không phải là một con người cách mạng thực sự." Theo Tưởng Giới Thạch thì căn nguyên của kỷ luật là niềm tin trong đó có cả tin vào cấp trên, tin vào đồng

đội và tin rằng mình là một quân nhân cách mạng tốt chiến đấu vì Đảng.

Nếu như thế thì quan niệm về niềm tin của Tưởng Giới Thạch bao gồm một số nguyên tắc đạo đức. Ông coi sự thành công của Đảng và sự thịnh vượng của quốc gia là trách nhiệm luân lý của các sinh viên và do đó đòi hỏi họ chịu đựng gian khổ, làm việc chăm chỉ, tỏ ra xứng đáng và học tập mọi phương pháp giúp họ hoàn thành trách nhiệm cách mạng.

Tuy nhiên, đối với ông thì ông thấy rằng việc trừng phạt có tác dụng với quân kỷ quan trọng hơn tin tưởng và đạo lý. Ngay từ 1924, chỉ vài tháng sau khi thành lập trường võ bị Hoàng Phố, một điều luật về trách nhiệm liên đới (Liên tảo pháp) được ban hành. Theo luật đó thì những ai liên hệ tới phạm nhân cũng bị trừng phạt. Từ cấp quân đoàn xuống cấp tiểu đội, nếu cấp chỉ huy nào không được lệnh mà bỏ vị trí thì sẽ bị xử tử. trái lại, nếu đơn vị bỏ chạy để viên chỉ huy cho địch giết thì tất cả các phụ tá sẽ bị hành quyết. Nếu một tiểu đội trưởng bị bỏ lại và bị giết thì tất cả lính trong tiểu đội sẽ bị xử tử. Tưởng Giới Thạch nói với các sinh viên sĩ quan:

Ngay khi liên tảo pháp có hiệu lực, mọi người trong quân đội sẽ cảm thấy có một lưỡi dao trên đầu và một sợi dây buộc lấy chân. Mọi người sẽ phải trông chừng lẫn nhau và buộc chặt vào nhau ở mọi cấp và không ai còn dám đào ngũ khỏi vị trí trong thời chiến.

Quan niệm trách nhiệm liên đới đã có từ lâu trong lịch sử Trung Hoa. Người ta tìm thấy đầu tiên trong sách của Úy Liễu Tử. Để bảo đảm rằng mọi lệnh ban ra được thi hành, tử hình thường là hình phạt mà các tướng lãnh dùng và vì thế quan niệm nghiêm lệnh xem có vẻ tàn ác và bạo ngược.

Cứ theo lý mà suy thì binh sĩ trong một đoàn quân cách mạng đều là tình nguyện, việc họ chiến đấu được thúc đẩy bằng động cơ cách mạng. Nếu phải lấy cái chết để ép họ chiến đấu thì không còn

đáng gọi là quân cách mạng nữa. Cách mạng tự nó sẽ sụp đổ vì các đoàn viên đã mất nhiệt tình.

Đảng quân và việc quá nhấn mạnh trên sức mạnh của tinh thần cách mạng đã có những hậu quả phức tạp trong việc phát triển chính trị trong những thập niên sau. Trong khi lực lượng Quốc Dân Đảng đánh bại các lực lượng quân sự địa phương và thống nhất đất nước, họ không hoàn toàn trừ khử được vấn đề quân đội thuộc về cá nhân. Thực tế là quân đội của Đảng vẫn chỉ trung thành với lãnh tụ. Việc đảng cầm quyền thường có khuynh hướng dùng sức mạnh đàn áp các đối lập chính trị cũng không có gì lạ. Mặt khác, khi một đảng đối lập chính quyền, họ cũng có khuynh hướng dùng sức mạnh để chiếm quyền lực. Những tranh chấp đó xảy ra tại Trung Hoa nhưng không phải chỉ Trung Hoa mới có. Nếu một quốc gia có hai hay nhiều đảng, mỗi đảng có quân đội riêng thì đất nước đó sẽ lâm vào nội chiến liên miên như trường hợp Lebanon ngày nay. Trong những trường hợp đó, một hệ thống dân chủ khó lòng mà phát triển xuống xẻ. Ngoài ra, những chính đảng có quân đội riêng thường không tránh khỏi khuynh hướng thiết lập chế độ chuyên chế hay độc tài.

Cách mạng trên căn bản là một chuyển đổi chính trị mãnh liệt thường xảy ra trong một thời gian tương đối ngắn có hoặc không đổ máu. Nếu một cuộc cách mạng kéo dài nhiều chục năm thì mục đích của nó có thể thay đổi. Cùng một khẩu hiệu nhưng không cùng ý nghĩa. Cũng tương tự như thế, tinh thần cách mạng, được Tưởng Giới Thạch giải thích là "đám liều chết" không còn mãi mãi như thế. Cuộc Đông Phạt (đánh Trần Quýnh Minh) và Bắc Phạt đều thường được coi như một lực lượng nhỏ nhưng có tinh thần cách mạng đã đánh bại một quân số đông hơn. Tuy nhiên, từ chính những lời của ông Tưởng thì người ta thấy rằng chỉ năm năm sau khi thành lập trường võ bị Hoàng Phố thì tinh thần cách mạng của quân đội đã bắt đầu xuống dốc. Năm 1929, ông nói: "Đảng quân nay chỉ có cái tên là lực lượng cách mạng chứ tinh thần và tư thế xưa đã mất rồi. Tham nhũng, sa đọa, thiếu kỷ luật nay đầy rẫy trong quân đội".

Trong khi tinh thần cách mạng không chắc đã đủ để thắng trận, thì đạo đức vẫn còn là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến những hậu quả của chiến tranh. Dù sao, cũng không thể chỉ dựa vào những hấp dẫn của chủ thuyết chính trị và ý niệm về sống và chết. Còn phải có huấn luyện, tổ chức, điều động và những điều kiện tự nhiên và vật chất của lực lượng vào một thời điểm nhất định.

3. QUAN NIỆM VỀ CHIẾN TRANH CỦA TƯỚNG GIỚI THẠCH

Khi bắt đầu hành quân Bắc Phạt năm 1926, quân đội Quốc Dân Đảng đã bành trướng mạnh mẽ. Sau khi thắng trận, tổng số binh sĩ cầm súng lên tới 2.2 triệu người, chưa kể các lực lượng địa phương như ở Mãn Châu, Tứ Xuyên và Vân Nam. Sự bành trướng đó khiến cho việc tổ chức quân đội cách mạng trở nên vô cùng phức tạp, các lính mới phần nhiều tuyển từ lực lượng của các quân phiệt vừa bị đánh bại, hầu hết là vô kỷ luật, thiếu huấn luyện và hủ hóa. Là hạt nhân của quân đội cách mạng, các sĩ quan tốt nghiệp trường võ bị Hoàng Phố được nhanh chóng thăng cấp nhưng nhiều khi cũng không được lãnh đạo đúng mức nên cũng bị sa ngã.

Thực như thế, theo như chính Tưởng Giới Thạch đưa ra thì quân đội Quốc Dân Đảng không còn giữ được chút tinh thần cách mạng hay động lực nào. Vì thế cần kíp phải làm một cái gì để chuẩn bị để đối phó với những đấu tranh khó khăn sắp tới, kể cả nội chiến chống Cộng lẫn Nhật Bản. Nhu cầu cải cách càng thúc bách hơn khi Tưởng bị Cộng Sản đánh bại phải rút lui ra Đài Loan.

Ngoài những cải cách khác, công thức đầu tiên mà ông đề ra để cải tiến phẩm chất sĩ quan là nâng cao trình độ huấn luyện quân sự. Nhiều bài ông viết được dùng làm học liệu cho sinh viên, vì thế những gì ông viết ra lắm khi giống bài giảng của một giáo sư hơn là một đại chiến lược gia.

A. Quan niệm triết học của Chiến Tranh

Mặc dầu Tưởng Giới Thạch nói nhiều về triết học cách mạng nhưng chưa thể nói rằng ông đã hình thành được một lý thuyết có

hệ thống về chiến tranh. Hầu hết các quan niệm của ông về triết học quân sự chưa đứng trong các lời bình về huấn luyện quân sự. Những gì ông bàn về triết học quân sự chỉ liên quan đến tình trạng thực tế của quân sự hơn là những vấn đề trừu tượng.

Theo Tưởng Giới Thạch thì Nhật Bản sở dĩ tiến lên hàng cường quốc không phải là vì học hỏi được những kiến thức khoa học Âu Tây mà vì theo triết lý Vương Dương Minh "làm theo cái lương tâm của mình" (Chí Lương Tri) mà cốt tủy của lý thuyết đó là Tri Hành hợp nhất (biết và làm là một).

Theo ông, tinh thần quốc gia của người Nhật là Võ Sĩ Đạo (Bushido), chính là dựa trên thuyết của Vương Dương Minh. Nhờ theo thuyết này mà người Nhật đã thực hành được các lý thuyết trong khi người Trung Hoa chỉ bàn lý thuyết suông mà không làm. Vì thế, Trung Hoa trở thành môi ngon cho Nhật Bản và các nước Âu Châu trong thế kỷ 19. Ông nhắc lại lời của Tôn Dật Tiên để nói với các sĩ quan là "học để hiểu một lý thuyết đằng sau một kế hoạch nhiều khi khó khăn hơn thực hiện kế hoạch đó" (tri dị hành nan). Vì thế, ông khuyến khích họ nên tìm hiểu các nguyên nhân tiến hành cách mạng để cho phù hợp với kế hoạch kiến quốc của Tôn Văn và chủ nghĩa Tam Dân.

Sau khi quân đội Quốc Dân Đảng phải chạy sang Đài Loan năm 1949, Tưởng Giới Thạch cho rằng thất bại là do các sĩ quan thiếu huấn luyện quân sự. Vì thế ông thường nhắc nhở các sĩ quan là vấn đề đáng quan tâm nhất trong chiến tranh không phải là sức mạnh của địch mà là không đủ tinh thần, kiến thức và ý tưởng về chính quân mình. Với quan điểm đó, ông dốc thân vào việc cải tiến hệ thống huấn luyện quân sự và đích thân giảng về các vấn đề quốc phòng như triết học, khoa học và nghệ thuật quân sự.

a/ Bản chất của Chiến Tranh: Ân Đức hay Không Khoan Nhượng

Triết học quân sự là gì? Tưởng Giới Thạch không phải phiên toái định nghĩa nó như một học giả thường làm mà chỉ giản dị nói là

”triết học quân sự là triết học chiến tranh, là sự học hỏi về sự tự đào luyện tinh thần và đạo đức quân sự. Có như thế chúng ta mới có một ý niệm rõ ràng về chiến tranh, không bao giờ chần chừ khi giao tranh, không đặt giá trị mạng sống của riêng mình trên nhiệm vụ và danh dự trong những giờ phút khẩn cấp”. Cho nên, theo ông bài học đầu tiên của triết học quân sự là vấn đề của sống và chết. Tưởng Giới Thạch cho rằng mục đích của nhân sinh là giúp ích cho nhân quần xã hội chứ không phải để vinh thân phì gia. Cho nên, con người phải có can đảm để chết vì nước và vì dân tộc.

Trong vô số những tín niệm về triết học chiến tranh của ông, Tưởng Giới Thạch đặc biệt nhấn mạnh vào hai nguyên tắc quan trọng nhất là ”nhân” và ”bất dung”. Nhân là đối với người bên mình, còn không thương xót là đối với kẻ thù. Ông nói: ”Nếu ta thương xót kẻ thù chẳng khác gì ta tàn nhẫn với đồng đội”. Để giải thích thêm về hai nguyên tắc có vẻ đối nghịch này, ông nói:

... bản thể của chiến tranh là nhân từ nhưng khi áp dụng thì cần phải tàn ác. Mục đích của chiến tranh là hòa bình, nhưng phương tiện dùng trong chiến tranh thì tàn bạo. Để đạt tới mục tiêu trường cửu là hòa bình lâu dài, thì phải chịu những thống khổ giai đoạn ... Chúng ta cần phải bạo ngược hơn kẻ thù thì mới có thể đàn áp được đối phương và thắng trận. Đó là con đường duy nhất để loại bỏ chiến tranh hầu đạt tới mục tiêu hòa bình.

Triết học Trung Hoa cổ điển cũng thường nhấn mạnh vào giá trị của sống và chết, nhất là đối với các chiến sĩ. Người ta tán dương cái chết tại chiến trường và xỉ mạt kẻ nào tham sống đầu hàng địch. Tuy nhiên, niềm tin và nguyên tắc mà Tưởng Giới Thạch đưa ra về việc không khoan thứ cho kẻ thù chẳng phải chỉ dựa trên lý luận mà là một bài học đau thương ông có được trong thời kỳ đánh nhau với Cộng Sản. Tưởng Giới Thạch muốn áp dụng nguyên tắc không thương xót trên chiến trường để vượt qua được những yếu kém về tâm lý của quân đội ông chỉ huy. Theo ông thì khi học về triết học cách mạng, người ta phải tập trung vào lý thuyết của Bác Sĩ Tôn Dật Tiên và triết học của chính ông. Như đã đề cập trên đây, lý thuyết của Tôn Văn có thể tóm tắt vào 4 chữ ”tri nan hành dị” (làm thì dễ,

biết mới khó) còn lý thuyết của Tưởng Giới Thạch là "lực hành triết học" (hết sức áp dụng vào thực tế). Nói khác đi, Tưởng tổng tài muốn binh sĩ hết sức thực hiện những gì họ học ở ông.

b/ Đức tính của cấp chỉ huy và Nhiệm vụ trong chiến đấu

Một cấp chỉ huy nếu đã rõ ràng thế nào là sống và chết, đã học hỏi không thương xót kẻ thù và nhân đạo đối với người bên mình, nhất quyết thực hành các nguyên tắc đó nhưng vẫn còn phải tu thân và học tập các đức tính cổ truyền như cương quyết, bình tĩnh, thư thái, chín chắn thì mới có thể thành công. Theo sách Đại Học thì tiến trình phải như sau:

Khi biết được phải đến đâu mới ngừng, thì mục tiêu theo đuổi đã định được. Khi đã định được mục tiêu, thì lòng không còn chộn rộn. Lòng đã yên thì đạt tới trạng thái yên tĩnh. Trong tình trạng thư thái, yên tĩnh thì tâm hồn mới chín chắn, và có chín chắn thì mới đạt được mục đích sau cùng.¹

Khi giải thích tuần tự này, Tưởng công đặc biệt nhấn mạnh đến khởi đầu là hai chữ tri chí (biết chỗ ngừng lại). Theo lời bình của Chu Hi, Tưởng Giới Thạch tin rằng "mục tiêu mình theo đuổi" chính là chỗ "ngừng lại". Đối với một cấp chỉ huy quân sự cách mạng thì thực hành Tâm Dân Chủ Nghĩa ở Trung Hoa là mục tiêu sau cùng và tốt đẹp nhất của mọi đảng viên. Đã chọn mục tiêu này rồi thì phải theo đuổi chứ không được chao đảo, ngả nghiêng. Có như thế trong lòng mới thư thái, an tĩnh. An tĩnh rồi mới suy nghĩ và mới tới được mục đích sau cùng.

Về sau Tưởng Giới Thạch cũng nối kết tuần tự này với binh thư Tôn Tử. Ông cho rằng định mục tiêu cũng tương tự như việc kiểm soát yếu tố luân lý (Trị Khí), yên tĩnh cũng như kiểm soát các yếu tố tinh thần (Trị Tâm), còn thư thái là kiểm soát các yếu tố vật chất (Trị Lực), suy nghĩ chín chắn tương đương với đặt kế hoạch và chiến lược là vấn đề chủ chốt của thành công hay thất bại.

¹ Nguyên văn: Tri chí nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lực, lực nhi hậu năng đắc. (Đại Học)

Trạng huống lý tưởng mà Tưởng Giới Thạch mong mỗi các tướng lĩnh nỗ lực đạt tới trong việc tu thân được mô tả tron bốn chữ triết lý: nguy, vi, tinh, nhất (nguy hiểm, vi tế, tinh thuần, nhất quán). Đây là chữ lấy từ Kinh Thư (Shujing), là lời giáo huấn huyền vi vua Nghiêu truyền cho vua Thuấn, vua Thuấn truyền cho vua Vũ. Nguyên văn là:

Trong khi tâm hồn con người ngày càng chông chênh, nguy hiểm thì các định luật của thiên nhiên hết sức vi diệu. Phải giữ mình thật cẩn thận, theo sát đường ngay thẳng để có thể giữ được đạo trung dung.²

Điểm chính yếu của câu này là lòng người hay bị sa ngã vì cám dỗ của tham muốn nên hay rơi vào nguy hiểm. Các định luật thiên nhiên thì mờ mịt, xa xôi và nhỏ bé. Nếu muốn giữ đạo trung dung, vốn là luật tối thượng của trời đất, thì phải cẩn thận giữ gìn lòng mình đừng để nghiêng ngả. Tuy nhiên, khi Tưởng Giới Thạch áp dụng các nguyên lý đó vào việc tu thân của các sĩ quan, ông lại giải thích hoàn toàn khác hẳn. Chẳng hạn, ông khuyên các sĩ quan luôn luôn cảnh giác về những "nguy hiểm" có thể có trong khi hành quân và phải hết sức giữ gìn để khỏi bị địch quân đánh úp. Khi bàn về chữ "vi tế", ông nói rằng các tin tức biết được về địch thường rất nhỏ nhặt. Muốn thắng trận cần phải nhìn được những gì thật mờ nhạt và không rõ rệt để nắm được cơ hội. Chữ "tinh thuần" áp dụng vào lượng định và kế hoạch cần phải chính xác và minh bạch. Còn chữ "nhất quán" ông giải thích là tập trung. "Khi ta tập trung, địch chia rẽ" "Khi ta tập trung tại một điểm, địch chia ra làm 10 điểm. Điều đó cũng như lấy mười chống một".

Nếu một cấp chỉ huy đào luyện được các tính nguy, vi, tinh, nhất thì người đó liệu được địch tình chính xác chẳng khác gì thần tiên và sẽ không bao giờ đánh hụt mục tiêu.

Giáo dục triết học như đã đề cập ở trên, sẽ giúp cho một cấp chỉ huy có thể giữ vững tinh thần trong trường hợp nguy hiểm mà

² Nguyên văn: Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi. Duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung.

không chao đảo, tính toán cẩn thận để có được quyết định và chiến lược chính xác, đồng thời thái độ bình tĩnh và thư thái của người chỉ huy có thể ảnh hưởng đến tinh thần binh sĩ, giúp họ tin tưởng rằng thắng lợi sau cùng sẽ đến với họ. Tuy nhiên, chiến tranh hiện đại từ bản chất đã khoa học. Một đoàn quân vì không có tinh thần chiến đấu cao nên không sử dụng vũ khí và trang bị cho hiệu quả nhưng cũng không đúng nếu cho rằng chỉ nhờ tinh thần cao mà một đoàn quân trang bị yếu kém có thể đánh bại một đoàn quân được huấn luyện và trang bị chu đáo. Tưởng công cũng biết điều đó. Ông cũng biết rằng quân sĩ của ông không đủ kiến thức khoa học cần thiết cho một cuộc chiến thời đại mới. Vì thế, trong lịch trình huấn luyện ông đưa ra, khoa học nói chung và khoa học quân sự nói riêng là những đề mục ngay đứng ngay sau triết học.

B. Nhận thức Khoa Học của Chiến Tranh

Theo Tưởng Giới Thạch, khoa học cần thiết cho quân sự trên hai cấp độ khác nhau: cấp độ kỹ thuật và cấp độ chỉ huy. Cấp độ kỹ thuật liên quan đến vũ khí, trang bị và chiến dịch. Cho nên nó liên quan trực tiếp đến binh sĩ và các sĩ quan cấp thấp. Cấp độ chỉ huy liên quan đến tổ chức, tin tức, kế hoạch và chỉ huy. Vì thế căn bản áp dụng cho cấp chỉ huy và sĩ quan tham mưu. Ông nói: "Nếu một binh sĩ có kiến thức khoa học, thì anh ta có thể sử dụng được máy móc và vũ khí tân tiến. Nếu một tướng lãnh không hiểu biết về khoa học thì ông ta không chỉ huy được các đơn vị tân tiến và không đảm nhiệm được một cuộc chiến khoa học".

Lý do thâm kín trong việc Tưởng tổng tài nhấn mạnh vào vấn đề này là vì khả năng thấp kém của các sĩ quan chỉ huy trong giai đoạn đầu. Ông tin rằng sĩ quan cấp thấp có học hơn sĩ quan cấp trung và những người này lại còn khá hơn các tướng lãnh. Tuy nhiên, tất cả các nhà quân sự tài ba như ông nhắc lại lời Napoleon đều phải coi chiến tranh như một khoa học thực sự.

Khi bàn về triết học chiến tranh, ông đã nói rằng tin tức về phía địch thì thường mờ mịt và nhỏ bé về số lượng và do đó, người chỉ huy phải cố gắng hết sức để phân tích mọi chi tiết cẩn thận và chính

xác ngỗ hầu tìm ra điều nào đúng và hữu ích và mới đi tới quyết định đúng và chọn chiến lược thích hợp. Đây chính là đề tài mà khoa học quân sự phải giải quyết. Vì thế Tưởng Giới Thạch nhìn thấy những tương quan mật thiết trong vai trò của khoa học quân sự và triết học quân sự. Thực vậy, ông nói rằng tinh túy của khoa học là tìm sự thật và xác định tính chất chính xác tuyệt đối của vấn đề phải tìm. Trên khía cạnh quân sự thì khoa học đứng trên triết học khi bàn về dữ kiện và độ chính xác. Tuy nhiên ông lại tin rằng trên mặt giáo dục quân sự thì triết học lại quan trọng hơn khoa học. Điều này khiến cho ta có thể kết luận là ông cũng như nhiều binh gia thời cổ đặt nặng vấn đề tinh thần lên trên các yếu tố vật chất.

Các phương pháp khoa học áp dụng vào quân sự trên mức độ chỉ huy nhắm vào kế hoạch và hoạt động phối hợp. Trong khi kế hoạch liên quan tới chuẩn bị cho một chiến dịch, kể cả việc lượng giá địch thì phối hợp liên quan đến hành quân nhiều hơn. Cả hai đều cần chính xác và hợp tác và đều dựa trên tổ chức chu đáo. Vì thế Tưởng Giới Thạch có nói: "Khi bàn về khoa học quân sự, then chốt của nó là tổ chức nghĩa là đạt tới trình độ cao của phối hợp tác chiến".

Mặc dầu mục tiêu của khoa học quân sự là đạt tới chính xác nhưng không thể so sánh với toán học. Tưởng công nói:

Lẽ dĩ nhiên chúng ta phải theo câu nói của Tôn Tử là tính toán nhiều mới thắng còn tính toán ít thì không. Thế nhưng chúng ta cũng biết Tăng Quốc Phiên đã nhận định nếu không dám đánh thì nhất định sẽ thua dù tính toán cho thấy rằng có thể thắng. Cho nên khi chúng ta nói về khoa học, chúng ta chớ có quá nhấn mạnh vào nguyên tắc toán học vì kế hoạch hành quân không phải là một đẳng thức.

C. Nhận thức Nghệ Thuật của Chiến Tranh

Tại Tây phương, các chiến lược gia quân sự đã bàn cãi sôi nổi về chiến tranh là một nghệ thuật hay không phải là nghệ thuật. Một số người như Henri Jomini nghiêng về nhấn mạnh vào khía cạnh

nghệ thuật của chiến tranh trong khi nhiều người khác nghiêng về các đặc điểm khoa học. Tuy nhiên, không ai hoàn toàn phủ nhận mặt này và chỉ chấp nhận mặt kia. Về đề tài này, Tưởng Giới Thạch đã từng trích dẫn rất nhiều các chiến lược gia Tây Phương và đi tới kết luận của riêng ông là "mặc dầu chỉ huy trong chiến tranh là một nghệ thuật nhưng khoa học vẫn là căn bản của chiến tranh và giáo dục quân sự". Tuy nhiên ông vẫn nhắc nhở các sĩ quan là đừng quá chú trọng về mặt học vấn khoa học mà quên tinh túy của chiến tranh, đừng bao giờ coi chiến tranh thuần túy khoa học và nghĩ rằng có thể thắng hai hay nhiều trận bằng cùng một nguyên tắc và phương pháp.

Có vẻ như Tưởng công đặt tương quan giữa triết học, khoa học và nghệ thuật quân sự theo hình tam giác. Triết học quân sự theo ông là đáy tam giác vì nó là nền tảng của mọi giáo dục quân sự và vì thế là phương tiện để cho một cấp chỉ huy gắn chặt quân sĩ của mình với nhau. Hơn nữa, triết học quân sự là nguồn gốc tinh thần, là yếu tố quyết định của thắng bại. Khoa học quân sự là sự phát triển rộng lớn của triết học trong đó cần chính xác, chân thực là nền tảng của hoạch định và hợp tác hành động trong chiến dịch. Tuy nhiên, khoa học quân sự thường thiên về vật chất chủ nghĩa. Vì thế, khi hòa nhập với truyền thống Trung Hoa và tình trạng xã hội - kinh tế thực tế của nước Tàu, Tưởng Giới Thạch dù vẫn nhấn mạnh vào sự quan trọng của phương pháp khoa học, luôn luôn giành một vai trò thiết yếu cho triết học và nghệ thuật.

Khi đối diện với vấn đề nghệ thuật trong chiến tranh, Tưởng Giới Thạch chỉ giản dị định nghĩa là phương tiện cần thiết để đánh bại địch thủ trong chiến tranh. Nghệ thuật có thể được áp dụng tại hai cấp độ: một là để chỉ đạo hành quân và điều binh, hai là cá tính và tu dưỡng của cấp chỉ huy khiến cho cấp dưới phục tùng.

Trong việc áp dụng nghệ thuật quân sự vào hành quân, Tưởng Giới Thạch nhắc lại nguyên tắc của Tôn Tử về dùng mưu và sự thay đổi dùng kỳ binh, chính binh theo cách tốt nhất. "Khi áp dụng những nguyên tắc này, dù chỉ có Kỳ và Chính, nhưng cách dùng biến hóa bao la như sự thay đổi của ngũ âm, ngũ sắc, ngũ vị. Không biết cơ

man nào các trường hợp dùng với hai nguyên tắc trên nên không ai dùng hết được”. Tuy nhiên, trong việc dùng các nguyên tắc này, muốn giải đoán mỗi tình huống cho chính xác cần tới tài năng và khéo léo của chính người chỉ huy. Không lẽ luật nào có thể theo cả. Cho nên, nhấn mạnh vào tài năng cá nhân đã đưa tới những tranh luận về sự quan trọng của nghệ thuật trong chiến tranh.

Tướng Giới Thạch không cho rằng chỉ học quân sự và binh thư là có thể đạt tới nghệ thuật quân sự cao mà còn tùy vào bẩm tính của mỗi người. Vì thế ông lại liên kết nghệ thuật chiến tranh với triết học quân sự. Ông nói:

Nếu người ta có thể thực sự suy nghĩ và áp dụng các nguyên lý triết học để đạt tới sự toàn mỹ bằng trí óc siêu việt, can đảm tột cùng và tài năng thì người ta có thể đạt tới hậu quả phi thường của tinh thần và nghệ thuật. Đó chính là hiểu biết cái gốc và chính là trí thức tối thượng vậy.

Theo Tướng Giới Thạch, nghệ thuật chiến tranh không hoàn toàn tách rời khỏi khoa học quân sự mà là một hệ thống kết hợp với nhau. Tuy nhiên, hai bên ở hai mức độ phát triển khác nhau. Khi khoa học quân sự đã phát triển thêm một mức thì trở thành nghệ thuật chiến tranh. Nếu thiếu một căn bản vững chắc trong khoa học thì người ta cũng không đạt tới trình độ tuyệt hảo trong nghệ thuật. Trái lại, nếu đã thuần thục trong phương pháp khoa học thì có thể đạt được trình độ nghệ thuật bằng cách áp dụng các kiến thức khoa học một cách toàn vẹn.

Mặc dầu triết học quân sự, khoa học và nghệ thuật đều là những yếu tố cốt tủy thể hiện khả năng tác chiến của một cấp chỉ huy, việc sử dụng lực lượng quân sự vẫn thường được các binh gia coi chủ yếu là một nghệ thuật, trong đó bao gồm cả điều binh, đưa ra các chiến lược và chọn các chiến thuật. Nếu một cấp chỉ huy có thể chọn chiến lược và chiến thuật một cách thích đáng cho phù hợp với tình trạng và thực hiện một cách hoàn hảo thì có nhiều hi vọng thắng trận.

Sau đây chúng ta sẽ thảo luận về những quan điểm căn bản của Tướng Giới Thạch về chiến thuật, chiến lược và các nguyên tắc của chiến tranh.

4. NGHỆ THUẬT ĐIỀU BINH

Tới đây chúng ta đã thấy rõ là mặc dầu vẫn coi kiến thức khoa học là quan trọng nhưng Tướng Giới Thạch vẫn nghiêng về nhấn mạnh vào nghệ thuật điều binh trong chiến dịch. Nghệ thuật đó bao gồm quân lệnh, tham mưu, hậu cần và sự chọn lựa chiến thuật, chiến lược như tấn công hay phòng ngự, tiến hay thoái, Kỳ hay Chính, Hư hay Thực, gần hay xa, lực lượng chính và lực lượng trừ bị, giao thông liên lạc.

A. Quan niệm của Tướng công về Chiến lược và Chiến thuật

Từ khi đảm nhiệm chức vụ tổng tư lệnh quân đội Quốc Dân Đảng vào giữa thập niên 1920, Tướng Giới Thạch đích thân chỉ huy lực lượng trong hầu hết các chiến dịch lớn cho đến khi ông từ trần vào năm 1975. Tuy nhiên chỉ sau năm 1949, khi chạy ra Đài Loan ông mới có thì giờ thảo luận các vấn đề chiến lược một cách có hệ thống, tái thiết lập một trường võ bị và cải thiện hệ thống huấn luyện quân sự. Đích thân ông giảng dạy về chiến lược và chiến thuật dựa trên kinh nghiệm bản thân và các nghiên cứu về chiến lược tân tiến của nước ngoài. Những quan niệm chiến lược chiến thuật của ông trước 1949 chủ yếu rút ra từ các lời bình luận về kết quả các chiến dịch. Do đó, các khái niệm đó thường là những huấn lệnh và phê bình của một vị tổng tư lệnh hơn là phân tích lý thuyết. Tuy nhiên, khi giảng dạy tại trường quân sự Đài Loan, ông chẳng khác gì một giáo sư kỳ cựu. Dường như Tướng công muốn đem hết cái sở học binh sinh của mình truyền lại cho các sinh viên ngõ hầu một ngày nào đó họ dùng cái đại chiến lược ông thiết kế để quang phục lục địa. Vì thế, một số các bài giảng của ông về chiến lược, chiến thuật vẫn còn xếp loại mật và các nhà nghiên cứu không được đọc.

Trong một bài diễn văn quan trọng về chiến lược, Tưởng Giới Thạch phân tích một cách có hệ thống về sự phát triển của quan niệm chiến lược của Liên Xô và các quốc gia Tây phương. Ông bắt đầu phân tích bằng truy tầm các quan niệm từ thời Machiavelli, Frederick Đại Đế, Napoleon, Jomini và Clausewitz. Tiếp đó, ông phân tích các chiến lược gia hiện đại và quan điểm của họ trước khi đưa ra định nghĩa của chính ông về chiến lược. Mặc dầu ông phê bình các quan niệm chiến lược hiện thời của Tây phương trong việc đối phó với chiến lược toàn cầu của Liên Xô, nhưng các quan điểm của ông vẫn chứng tỏ ông bị ảnh hưởng Tây Phương mạnh mẽ, nhưng ít thấy ảnh hưởng từ phía Liên Xô. Chỉ có một phương diện ảnh hưởng của Liên Xô chủ yếu là quan điểm của ông về chiến tranh chính trị trong đó ông coi Liên Xô là khuôn mẫu và bằng chính kinh nghiệm riêng của ông.

Dựa trên tình hình quốc tế thực tại và nhu cầu chính trị của chính phủ Quốc Dân Đảng tại Đài Loan, Tưởng Giới Thạch định nghĩa chiến lược như sau:

Chiến lược là nghệ thuật kiến tạo và khai thác các tình thế thuận lợi để đạt được mục tiêu của chiến tranh, chiến dịch hay những trận đánh quyết định cho một quốc gia hay một nhóm quốc gia để gia tăng mức độ khả dĩ thành công và chiến thắng cuối cùng.

a/ Đại Chiến Lược

Theo định nghĩa của Tưởng Giới Thạch "đại chiến lược là chiến lược của các quốc gia đồng minh với nhau vì cùng quan tâm về một vấn đề nên kết hợp và phối trí các lực lượng để đạt các mục tiêu chung". Sự khẳng định về một kẻ thù chung, các phương pháp đối phó với địch, mục tiêu ưu tiên và những hành động có thể xảy ra đều là những quan tâm hàng đầu của đại chiến lược.

a/ Chiến lược quốc gia

"Chiến lược quốc gia là nghệ thuật xây dựng và sử dụng các lực lượng quốc gia, phát triển việc thống nhất các lực lượng để đạt mục tiêu quốc gia".

Theo Tưởng Giới Thạch thì chiến lược quốc gia kể cả việc định hướng chính quyền trong các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tâm lý và quốc phòng. Chiến lược quốc gia có thể chi ra làm chiến lược chính trị, chiến lược kinh tế, chiến lược tâm lý và chiến lược quân sự.

Tưởng công cho rằng chiến tranh hiện đại là chiến tranh tổng thể (tổng thể chiến) bao gồm cả chính trị, kinh tế, văn hóa và quốc phòng không thể chỉ chiến thắng bằng quân sự. Dựa trên quan niệm đó, ông đặc biệt nhấn mạnh vào sự quan trọng của việc hợp nhất các phương diện khác nhau của quốc gia. Chiến lược chính trị phải yểm trợ chiến lược quân sự trong khi chiến lược quân sự phải tuân theo chiến lược chính trị, nếu không quốc gia sẽ thất bại. Ông cũng tin rằng chiến lược chính trị bao gồm hai cấp độ. Một cấp độ nói về "quyết định của các nhà lãnh đạo chính trị về những câu hỏi sau: liệu quốc gia có chiến tranh không, có thể tránh được chiến tranh không, khi nào là cơ hội tốt nhất để tham chiến, những hành động nào cần phải có để đạt được mục tiêu". Cấp độ thứ hai của chiến lược chính trị nói về "các yếu tố tinh thần của một lực lượng trong chiến đấu, tình trạng quân địch trên các phương diện ý nguyện quốc gia, tổ chức quân đội, lực lượng hiện dịch và trừ bị, tài nguyên và hệ thống chính trị". Cấp độ thứ hai nhiều tính chất quân sự hơn cấp độ thứ nhất nặng về chiến lược chính trị.

Để phối hợp hành động của nhiều phân bộ chính quyền và để tránh những xung đột có thể xảy ra và mâu thuẫn giữa các cấp lãnh đạo chính trị và quân sự, Tưởng Giới Thạch nhất định cho rằng cần có một thỏa thuận giữa các nhà lãnh đạo ngõ hầu thống nhất được các chiến lược chính trị và quân sự. Định lệ đó có thể đạt được nếu theo các hướng dẫn sau đây:

1. Sự chọn lựa một chiến lược quân sự quan trọng cần phù hợp với các mục tiêu chính trị quốc gia và các nguyên tắc chiến lược chính trị.

2. Mặc dầu các nhà lãnh đạo quân sự không được phép tự ý quyết định các chiến lược, họ phải được quyền chọn chiến thuật mà các nhà chính trị không được quyền can thiệp vào.
3. Vì các nhà lãnh đạo chính trị chịu trách nhiệm điều động chiến tranh và các vấn đề chiến lược, họ phải hiểu rõ các nguyên tắc chiến tranh và lãnh đạo chiến đấu một cách tích cực. Tuy nhiên họ không được quyền can thiệp vào việc hành quân. "Bên ngoài cửa thành là thuộc quyền điều động của tướng lĩnh".
4. Các nhà lãnh đạo quân sự phải hợp tác với các nhà lãnh đạo chính trị trong việc quyết định các vấn đề chiến lược.

Vốn là một quân nhân chuyên nghiệp, Tưởng Giới Thạch đặc biệt chú ý đến các mâu thuẫn có thể có giữa các chính trị gia và các tướng lĩnh. Cho nên, ông nhấn mạnh vào việc hợp tác chặt chẽ giữa hai bên. Đồng thời ông cũng nhắc đi nhắc lại là các chính trị gia không nên xen vào việc quyết định tiến trình hành quân và cấp độ chiến thuật.

c/ Chiến lược Quân Sự

Chiến lược quân sự là cây cột quan trọng nhất chốn đỡ chiến lược quốc gia. Chiến lược này đề cập đến các ý niệm tổng quát về hoạt động quân sự trong thời chiến, việc xây dựng lực lượng và chuẩn bị chiến tranh dựa trên các nhu cầu cần đến và nhân lực có sẵn, hệ thống động viên và thời gian cần thiết để thành lập các đơn vị ... Theo quan niệm chiến tranh tổng thể, Tưởng Giới Thạch coi chiến tranh quân sự cũng ngang với chiến tranh chính trị, chiến tranh kinh tế và chiến tranh tâm lý. Trong thời bình mỗi thứ chiếm 25% tổng số. Tuy nhiên, trong thời chiến, quân sự tăng lên 30% tổng số và vì thế chiến lược quân sự lúc đó cũng cao hơn chiến lược chính trị, chiến lược kinh tế và chiến lược tâm lý.

d/ Chiến lược Mặt Trận

Chiến lược mặt trận còn gọi là chiến lược khu vực trong lực lượng quân sự Mỹ vì được dùng chủ yếu để điều động các chiến

dịch quân sự tại những khu vực khác nhau. Tuy nhiên, vì chiến lược khu vực thường phần nào nằm trong quản hạt của Bộ Tổng Tham Mưu và các bộ tham mưu lục quân, hải quân, không quân nên Tưởng công thích gọi là chiến lược mặt trận hay chiến lược trận địa.

Quan niệm về chiến lược mặt trận theo nhiều người không rõ ràng dễ bị lẫn lộn với chiến thuật và hành quân. Thực ra hai bên khác nhau xa. Theo Tưởng Giới Thạch, "chiến lược mặt trận là nghệ thuật kiến tạo và khai thác các cơ hội trước khi thiết lập chiến tuyến, trong khi chiến thuật là nghệ thuật điều động quân đội di chuyển và chiến đấu sau khi chiến tuyến đã thiết lập". Hơn nữa "trong khi hành quân là vạch ra đội hình và hành động cho quân mình trong một trận đánh để có thể thắng, chiến lược mặt trận là chỉ huy quân sĩ và đội hình trước khi đánh". Điểm chính của chiến lược mặt trận là tính toán và sử dụng thì giờ, diện địa và lực lượng trong khi giao tranh.

Mục đích của việc chọn lựa một chiến lược cá biệt là nhằm thắng trận và do đó, nó phải đi sát với những thay đổi về phối trí lực lượng của địch. Có những nguyên tắc căn bản làm qui luật cho việc áp dụng chiến lược và điều binh. Các chiến lược gia thường gọi là nguyên tắc chiến tranh.

B. Mười Nguyên Tắc Chiến Tranh của Tưởng Giới Thạch

Mặc dầu hầu hết các chiến lược gia coi việc điều động binh đội trên chiến trường chủ yếu là một nghệ thuật, họ cũng đồng ý là binh bị tự nó có những qui luật khách quan riêng. Cho nên, một cấp chỉ huy vẫn phải theo một số nguyên tắc quan trọng trong việc điều động lực lượng.

Các nguyên tắc chiến tranh tại Tây Phương đã có mất trăm năm trước từ thời Napoleon, Jomini và Clausewitz. Các nhà lãnh đạo Trung Hoa bị ảnh hưởng tư tưởng quân sự Tây Phương nên cũng du nhập những nguyên tắc tương tự trong tiến trình canh tân hóa quốc phòng. Cả Mao Trạch Đông lẫn Tưởng Giới Thạch đều phát triển những nguyên tắc riêng. Trong khi những nguyên tắc nổi tiếng của Mao được hình thành trong những năm nội chiến vào thập niên

1940 thì các nguyên tắc của Tể tướng được khai sinh khoảng 10 năm sau đó. Các nguyên tắc của Tể tướng nguyên thủy do trường Đại Học Quân Sự viết ra nhưng sau được ông tu chỉnh và chấp nhận. Ông bắt đầu thảo luận một cách chi tiết về các nguyên tắc này với các sinh viên tại Đại Học 10 năm sau khi được hoạch định.

Ông không phủ nhận ảnh hưởng của tư tưởng ngoại quốc trong việc hình thành 10 nguyên tắc nhưng cũng nhấn mạnh vào chính kinh nghiệm của riêng ông. Mười nguyên tắc đó là:

1. Mục tiêu và điểm chính
2. Chủ động và uyển chuyển
3. Tấn công và chuẩn bị
4. Tổ chức và nhiệm vụ
5. Đoàn kết và hợp tác
6. Tập trung và tiết kiệm
7. Điều động và tốc độ
8. Tảo thanh và đánh lừa
9. An toàn và tin tức
10. Tinh thần và kỷ luật

Mỗi nguyên tắc bao gồm 2 phần. Phần đầu không khác gì các nguyên tắc cổ điển ai cũng biết trong thế giới Tây Phương, phần thứ hai do chính Tể tướng công thêm vào. Chẳng hạn như mục tiêu và điểm chính trình bày hai quan niệm kết hợp hỗ tương. Khi từ mục tiêu được kết hợp với từ điểm chính, nguyên tắc này nhắc nhở người chỉ huy khi chọn mục tiêu trong chiến dịch thì nên nhớ rằng chỉ có một điểm chính chí tử dẫu rằng có thể có nhiều mục tiêu. Các mục tiêu khác được coi như mục tiêu phụ. Điểm chính cũng không phải chỉ nói về chọn lựa mục tiêu mà còn nói về bố trí lực lượng. Chủ động là nguyên tắc căn bản của chiến dịch trong mọi trường hợp nhưng Tể tướng Giới Thạch cũng cho rằng uyển chuyển mới là tinh thần chính yếu của chủ động. Cho nên ông kết hợp chủ động và uyển chuyển làm một.

Mặc dầu ông đưa ra mười điểm nhưng những nguyên tắc hết sức quan trọng liên quan đến điều binh chỉ không đến quá nửa. Chẳng hạn Tể tướng Giới Thạch quan niệm là nguyên tắc căn bản của

các cuộc chiến trong tương lai chống lại lục địa sẽ bao gồm uyển chuyển, điều động, tập trung và an toàn. Trong một trường hợp khác, ông trích ra tấn công toàn lực, hành quân ngoại vi, ưu thế lực lượng đánh vào yếu điểm, đánh tập hậu và mạn sườn và tiêu diệt là các đại nguyên tắc của hành quân nhằm đạt được mục tiêu chủ động.

Cũng tương tự như thế, Thượng Tướng Tưởng Vĩ Quốc (Jiang Weiguo), con thứ của Tổng Tài cho rằng mười nguyên tắc của cha ông xoay quanh một số điểm quan trọng. Ông tổng quát hóa các tư tưởng chỉ huy của phụ thân vào 6 nguyên tắc: tiêu diệt, tấn công, tập trung, điều động, đánh vào yếu điểm và chiến tranh chính trị. Ông cũng nói là nguyên tắc sau cùng của cha ông, tinh thần và kỷ luật, là nguyên tắc độc nhất vô nhị trên thế giới. Nguyên tắc này sẽ được thảo luận sau.

Nói chung, các nguyên tắc hành quân của Tưởng Giới Thạch rất tương đồng với các nguyên tắc hiện đại của Tây Phương. Ngay cả chiến tranh chính trị cũng không phải nguyên thủy của Trung Hoa mà du nhập từ Liên Xô.

Trong mười nguyên tắc, Tưởng công đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc tấn công trong các kế hoạch dự định để tấn công vào Hoa lục. Mặc dầu tấn công vẫn được các chiến lược gia tân thời coi là một nguyên tắc chính của chiến tranh nhưng khi nhắc lại nguyên tắc này Tưởng Giới Thạch không chỉ lập lại quan điểm của Tây Phương. Ông rút ra nguyên tắc này từ chính kinh nghiệm cá nhân. Ngoài ra, tình trạng thực tế của thập niên 1960 không cho phép ông một chọn lựa nào khác hơn là tấn công nếu muốn khôi phục lại Trung Hoa.

Trong sự nghiệp quân sự của ông, Tưởng Giới Thạch đã từng thắng nhiều chiến dịch chống lại những kẻ thù có quân số trội hơn bằng các dùng nguyên tắc tấn công toàn lực. Trong các trận đánh Trần Quýnh Minh ông đã dùng chiến lược tấn công đánh bại địch bằng một lực lượng nhỏ. Cũng phương thức đó ông dùng trong Hành Quân Bắc Phạt năm 1927 chống các quân phiệt. Ông khởi đầu

cuộc Bắc Phạt bằng một lực lượng chưa tới 10 vạn người nhưng đánh bại bằng cách tấn công từng sứ quân một, tính ra tổng số trên một triệu tất cả. Tưởng Giới Thạch đã thống nhất đất nước trong vòng hai năm. Tuy nhiên khi ông bắt đầu chiến dịch ”bao vây và trấn áp” chống lại Hồng Quân ở tỉnh Giang Tây năm 1930, ông quân số đông hơn nhưng chỉ thắng một trận sau khi thua bốn trận. Ông cũng đông quân hơn năm 946 nhưng đã đại bại và sau bốn năm phải chạy ra Đài Loan.

Từ những nguyên tắc đó, Tưởng Giới Thạch biết rằng quân số chưa phải là yếu tố quyết định và chiến lược tấn kích có lẽ là phương thức dùng cho một lực lượng quân số nhỏ hơn để giữ thế chủ động và chiến thắng. Do đó, ông thường nhắc nhở các sĩ quan phải giữ chiến lược tuyệt đối tấn công trong trận chiến đánh với Hồng Quân tại lục địa trong tương lai. Ông nói:

Nói chung là trong chiến dịch phản công Cộng Sản, chúng ta phải nhấn mạnh vào tinh thần chủ động, điều hợp và di động ... trong mọi chiến dịch. Tấn công mặt tiền và bên hông, tấn công mạng sườn, tấn công không ngừng ... chúng ta phải liên tục đánh bằng một lực lượng sấm sét, giống như một tảng đá lăn từ núi cao chót vót xuống thung lũng.

C. Những chiến thuật của Tưởng Giới Thạch - Đội Hình Tam Giác

Trong khi bàn về chiến thuật, Tưởng công chủ yếu tập trung vào việc phân tích chiến thuật của địch. Ông cố tìm một phương thức hữu hiệu để đối phó và tránh bị địch hãm trận. Trong chiến dịch bao vây trấn áp Cộng quân vào thập niên 1930, sau khi nếm nhiều thất bại ông đã áp dụng chiến thuật của Tăng Quốc Phiến. Theo ông thì tình trạng thập niên 1930 tương tự như thập niên 1850 khi Tăng Quốc Phiến đánh giặc Thái Bình. Tưởng công dùng chiến thuật củng cố trong đó ông thiết lập các vị trí vững chãi hoàn toàn triệt tiêu các đường tiếp liệu của địch của Hồng Quân để bắt buộc chúng từ bỏ căn cứ.

Trong chiến tranh Trung - Nhật và cuộc Nội Chiến chống Cộng sau đó, quân đội Dân Quốc thường bị tấn công nên thiệt hại nặng nề. Tướng Giới Thạch dùng nhiều thì giờ thảo luận các chiến thuật của địch và ông khuyến khích các sĩ quan nên học hỏi từ địch quân. Các loại thảo luận như thế càng thường xuyên hơn khi Quốc Dân Đảng chạy ra Đài Loan. Ông ít nhất đã dành 2 buổi nói chuyện về chiến thuật của Hồng quân nhất là của Thống Chế Lâm Bưu.

Đội hình tam giác được Đài Loan coi là đóng góp độc đáo của Tướng Giới Thạch vào các chiến thuật quân sự. Nó còn được gọi là Ba Mặt Giáp Công vì các công năng của nó hữu dụng nhất khi dùng để tấn công.

a/ Chiến thuật Bất Bại

Theo Tướng thì đội hình này gần như là một chiến thuật không thể thất bại và có thể dùng đối phó với mọi phương cách điều binh của địch. Ông nói:

Theo kinh nghiệm và hiểu biết riêng của tôi, nguyên tắc tam giác có thể áp dụng như một nguyên tắc chiến thuật căn bản để đối phó với mọi đội hình của địch ... Tôi tin rằng dù thế giới có tiến bộ đến đâu, dù vũ khí có tối tân thế nào, dù nghệ thuật điều binh có thay đổi sao nữa thì nguyên tắc chiến thuật này vẫn tồn tại mãi.

Để nhấn mạnh vào khả năng vô hạn của đội hình này, cố Tổng Tài đã đi xa hơn để nói rằng đội hình tam giác có thể dùng để đánh bại chiến thuật nhất điểm lưỡng diện (Yidian Liangmian) của Thống Chế Lâm Bưu vốn được coi là chiến thuật tấn công. Tướng công cũng liệt kê mọi loại hình thức của đội hình tam giác để cho thấy là "nó có thể khai triển thành vô số trận thế chống được với các loại các chiến thuật phỉ quân (Hồng Quân) dùng".

Là người khai sinh ra đội hình tam giác tại Trung Hoa, Tướng Giới Thạch không định nghĩa rõ ràng việc áp dụng trận thế này. Công việc đó dành cho con trai của ông thực hiện. Tướng Tưởng Vĩ Quốc đã xác minh quan điểm và còn giới hạn cả việc áp dụng. Ông viết:

Khi lãnh tụ của chúng ta (tức Tướng Tổng Tài) nói về đội hình tam giác, ông nói về ba góc của một tam giác chứ không phải ba cạnh. Ba góc nói về vị trí tương ứng của ba đơn vị của lực lượng ta. Đó không phải là ba điểm cố định, cũng chẳng phải là theo hình tam giác và nhất là chẳng phải tam giác đều. Đội hình thay đổi cho phù hợp với tình trạng địch quân, lực lượng của ta, thời tiết và địa thế để giữ được thế chủ động và duy trì tính uyển chuyển trong việc dùng binh.

b/ Giới Hạn của việc Áp Dụng

Mặc dầu Tướng công nhấn mạnh vào khả năng áp dụng vô giới hạn của đội hình tam giác và Tướng Tướng Vĩ quốc cố kèm thêm tính linh động trong việc đối phó với các hình thái phản công nung thực tế không phải trường hợp nào cũng có thể áp dụng đội hình này. Ngay cả Tướng Vĩ Quốc cũng nhận ra điều đó khi ông bàn về tư tưởng quân sự của phụ thân.

Theo Tướng Vĩ Quốc, mặc dầu đội hình cũng có thể áp dụng cho trường hợp phòng thủ nhưng được hoạch định chủ yếu cho tấn công.

Ngoài ra, đội hình cũng được đề ra áp dụng chủ yếu vào cấp độ chiến thuật. Đơn vị chiến thuật lớn nhất của quân đội Dân Quốc tại Đài Loan là cấp trung đoàn. Cho nên đội hình này chỉ áp dụng tới cấp trung đoàn mà thôi. Theo Tướng Vĩ Quốc, ngay cả Tướng Tổng Tài cũng đã xác định là chủ yếu áp dụng vào cấp tiểu đoàn và trung đoàn mà thôi, cấp sư đoàn khi nào có thể nhưng đối với các đơn vị hơn thì trở thành vô nghĩa.

Ngoài ra, đội hình cũng chỉ áp dụng cho lục quân chứ không áp dụng cho không quân hay hải quân. Mặc dầu tướng Tướng Vĩ Quốc cho rằng hải quân và không quân cũng có thể áp dụng đội hình này nhưng ông không nói họ bắt buộc phải lệ thuộc vào đó. Hơn nữa, khi áp dụng cho lục quân thì điều đó không có nghĩa là dùng để thay thế các chiến lược khác mà chỉ dùng làm cơ bản.

Tinh túy của đội hình tam giác là dùng trong chiến dịch nhất là khi tấn công, vị trí của ba đơn vị chủ chốt thường nằm ở ba nơi hợp thành những hình tam giác cân, tam giác lệch, tam giác vuông, tam giác nhọn, tam giác tù như chính lời của Tưởng công mô tả. Nếu tướng lĩnh nào nghe theo lời ông một cách nghiêm chỉnh thì sẽ không khỏi gặp những vấn nạn khi cần phải sắp xếp đội hình tam giác trong khi nhiều trường hợp cần điều binh hàng dọc hay hàng ngang. Nếu cần điều binh hàng dọc, một cấp chỉ huy phải thu hẹp mặt tiền, đơn vị nọ kế tiếp đơn vị kia. Nếu cần điều binh hàng ngang thì phải trải rộng để đảm trách một khu vực rộng lớn. Trong các trường hợp đó, đội hình tam giác không thích hợp. Để giải quyết các nạn đề này, Tưởng Vĩ Quốc đã đặc biệt nhắc nhở các sĩ quan là họ không nên giới hạn vào đội hình tam giác. Họ có thể sắp xếp lực lượng bằng hình thức nào thấy cần tùy theo tình hình địch, địa thế, và mục tiêu của mình. Việc đó có thể bao gồm cả đội hình hàng dọc và hàng ngang khi cần sắp xếp ba đơn vị.

Để có thể sử dụng chiến thuật tam giác, quân đội Dân Quốc đã từ lâu tổ chức theo hình thức tam tam chế, mỗi đơn vị chia thành 3 đơn vị nhỏ hơn. Theo Tưởng Vĩ Quốc thì ngay cả đơn vị thiết giáp tuy không tổ chức theo tam tam nhưng vẫn có thể áp dụng đội hình tam giác mà không gặp trở ngại gì đáng kể.

Muốn biết chiến lược tam giác này có hiệu quả không ngoài các phân tích của các chiến lược gia thì chỉ khi nào có chiến tranh mới biết được. Dù rằng được coi là có hiệu quả chẳng nữa thì một cấp chỉ huy cũng quá ngây thơ nếu nghĩ rằng chỉ đội hình là đủ thắng địch trong mọi chiến dịch, trong mọi trường hợp. Dù sao cũng chỉ là đội hình căn bản chứ không phải là một siêu chiến thuật thần kỳ.

5. TƯ TƯỞNG VỀ CHIẾN TRANH CHÍNH TRỊ

Như đã đề cập trước đây, hệ thống chính ủy bị bãi bỏ vào cuối thập niên 1920 và chỉ được tái lập vào đầu thập niên 1930 khi chiến dịch "bao vây và trấn áp" chống Hồng quân tại tỉnh Giang Tây được tiến hành. Hệ thống đó dần dần lan ra tới mọi lực lượng vũ trang kể

cả các đơn vị cũ của các quân phiệt sáp nhập vào quân đội Dân Quốc sau khi thống nhất quốc gia.

Sau khi Nhật đầu hàng trong Thế Chiến thứ hai, quân chúng Trung Hoa cũng như chính quyền Mỹ đã bắt thành phần lãnh đạo của Quốc Dân Đảng và Cộng Sản phải ngồi lại với nhau để đàm phán về tương lai của Trung Hoa. Trong thời kỳ này, hệ thống quân chính của Quốc Dân đảng trở thành một mục tiêu hàng đầu cho cả Cộng Sản lẫn không Cộng Sản. Đối lập đòi Quốc Dân Đảng phải rút ra khỏi quân đội để cho quân đội chỉ là quân sự thuần túy chứ không phải là lực lượng riêng của Đảng. Đòi hỏi đó được người Mỹ yểm trợ và do đó chính quyền Quốc Dân Đảng phải bắt buộc bãi bỏ chế độ chính ủy vào năm 1946. Thay vào đó là một phòng thông tin được thành lập để đảm trách việc giáo dục chính trị và tuyên truyền. Việc đàm phán hòa bình sụp đổ và các thất bại quân sự trong cuộc nội chiến khiến Quốc Dân Đảng phải quyết định phục hồi hệ thống chính ủy năm 1947. Thế nhưng cũng không có những cải tổ rõ rệt mãi tới 1950 khi Quốc Dân Đảng đã di chuyển ra Đài Loan thì mới phát động một cuộc thay đổi sâu rộng nhân dịp tái tổ chức quân đội. Dưới sự lãnh đạo của Tưởng Kinh Quốc, vai trò của hệ thống chính ủy trong quân đội mới bành trướng mạnh mẽ.

A. Tưởng Kinh Quốc và Cải Cách Hệ Thống Chính Ủy

Tưởng Kinh Quốc là con trai lớn của Tưởng Tổng Tài, rời Trung Hoa từ thập niên 1920 để du học tại Liên Xô. Ông ở đây hơn 10 năm cho đến cuối thập niên 1930 khi cuộc chiến Trung Nhật xảy ra mới trở về.

Sau một vài năm làm việc tại địa phương tỉnh Giang Tây, ông được bổ nhiệm Giám đốc Nha Công Tác Chính trị kiêm Giám đốc Viện Chính Huấn Chính Ủy của Thanh Niên Quân năm 1944. Mặc dầu Thanh Niên Quân không được đưa ra chiến trường nhưng Tưởng Kinh Quốc rất có lợi thế nhờ đảm trách công tác lãnh đạo chính ủy dù chỉ một thời gian ngắn.

Năm 1949, Tưởng Tổng Tài cử ra một ủy ban duyệt xét tình trạng quân đội để tìm phương thức cải cách. Khi đề án hoàn thành, ông lập tức bổ nhiệm con ông, Tưởng Kinh Quốc làm Giám Đốc Tổng Nha Công Tác Chính Trị năm 1950 và yêu cầu ông phát động cải tổ.

Như đã đề cập trước đây, trong tổ chức cũ, nhiệm vụ chính của hệ thống chính ủy là giáo dục chính trị và tuyên truyền. Tổ chức mới tiếp nhiệm tất cả các công tác cũ. Ngoài ra, hệ thống mới cũng đảm trách nhiều nhiệm vụ khác, chẳng hạn như bảo đảm an ninh cho lực lượng và sau này tổ chức công tác hành chánh tại chiến tuyến (Chiến Địa Chính vụ - Zhandi Zhengwu) và hệ thống chính ủy cho lực lượng du kích. Sau này họ còn chịu trách nhiệm tổ chức các quân nhân giải ngũ khai khẩn đất hoang và các hoạt động kinh tế khác.

Năm 1954, sau hai nhiệm kỳ làm công tác này, Tưởng Kinh Quốc được bổ nhiệm Phó Tổng Thư Ký của Ủy Ban An Ninh Quốc Gia và chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động tình báo của chính quyền Đài Loan. Trong chức vụ này, ông vẫn trông coi công tác chính trị quân đội.

Năm 1963, Tổng Nha Công Tác Chính Trị trở thành Tổng Nha Chiến Tranh Chính Trị của Bộ Quốc Phòng. Hệ thống chính ủy mọi cấp cũng mang danh xưng đó. Ngoài ra, lần đầu tiên trong lịch sử quân đội Dân Quốc, các chính ủy chính thức mang danh sĩ quan chiến tranh chính trị (Chính trị Tác Chiến Quân quan). Với cấp bậc mới và danh xưng mới, các chính ủy từ đó có thể được bổ nhiệm làm sĩ quan chỉ huy đơn vị trong quân đội. Sự phát triển đó giúp cho Tưởng Kinh Quốc và những người ủng hộ ông mở rộng quyền hành trong quân đội.

Ngoài ra, sau khi Tưởng Kinh Quốc rời chức vụ Giám Đốc, chính phủ cũng bổ nhiệm một số sĩ quan cao cấp vào chức vụ Giám đốc Tổng Nha Chiến Tranh Chính Trị. Ngoài ra, các sĩ quan chiến tranh chính trị trong mọi cấp của quân đội phải đảm trách nhiệm vụ tham mưu trưởng cho cấp chỉ huy trong những vấn đề liên quan đến

chính trị. Những sự kiện đó trên một qui mô lớn giải trừ các hiểm khích giữa các sĩ quan với các chính trị viên. Kết quả là một lần nữa Tướng Kinh Quốc lại củng cố được sự kiểm soát chính trị của ông với quân đội.

Sau khi cha ông chết, Tướng Kinh Quốc sẽ trở thành Tổng Thống trong vòng hai năm. Thời gian đó ông bành trướng quyền hạn tới mọi lãnh vực quân sự. Trong khi ông vẫn dựa vào các chính trị viên để kiểm soát quân đội, ông e ngại khi thấy nhóm sĩ quan trong tổ chức chiến tranh chính trị có quá nhiều quyền hành. Ông bắt đầu tước dần quyền của họ.

B. quan điểm của Tướng Kinh Quốc về Chiến Tranh Chính Trị

Như đã đề cập trước đây, Tướng Tổng Tài đã nói là chiến tranh hiện đại bao gồm quân binh các yếu tố quân sự, chính trị, kinh tế và tâm lý. Trên thực tế, ông vẫn tin rằng quân sự là yếu tố quan trọng nhất trong 4 yếu tố.

Khi thảo luận về quan điểm chính trị, ông đưa ra hai mức độ. Với nhãn quan chặt chẽ thì chính trị gồm có chính trị quốc nội và chính trị quốc tế. Trên một quan điểm rộng rãi hơn, chính trị theo từ ngữ chiến tranh bao gồm mọi thứ trừ quân sự. Nó có cả kinh tế, tâm lý và xã hội. định nghĩa đó dựa trên quan niệm về chiến tranh toàn diện của ông, trong đó ông định nghĩa là một cuộc chiến trong đó mọi người, mọi thứ trong nước phải trực tiếp hay gián tiếp tham gia.

Dựa trên quan niệm đó, Tướng Tổng Tài phát triển lý thuyết về chiến tranh chính trị của ông.

a/ Định nghĩa Chiến Tranh Chính Trị

Theo Tướng Giới Thạch, chiến tranh chính trị bao gồm chiến tranh tâm lý, tổ chức và quần chúng cùng với hoạt động tình báo và mưu kế. Các hoạt động ngoại giao, kinh tế và xã hội cũng có thể được xếp loại vào chiến tranh chính trị. Do đó, ông đưa ra một định nghĩa như sau: "ngoài những gì trực tiếp dùng vũ khí chống kẻ thù, các hoạt động khác đều có thể coi là chiến tranh chính trị".

Để nhấn mạnh vào sự quan trọng của chiến tranh chính trị, Tưởng công còn nói thêm là "mọi loại chiến tranh hiện đại, dù giới hạn hay toàn thể, chỉ có khi nào người ta thắng được mặt trận tâm lý thì các hoạt động võ trang mới hiệu quả. Do đó, một cuộc chiến hiện đại thực sự là chiến tranh chính trị". Ông đặc biệt nhấn mạnh về các hoạt động hỗ tương giữa nhiều hoạt động khác nhau của chiến tranh chính trị. Ông nói:

Một chiến dịch ý thức hệ chỉ có thể thực hiện được bằng chiến tranh tâm lý, trong khi chiến dịch tình báo chỉ thực hiện khi có đủ tin tức. Đối với chiến tranh tổ chức thì hoàn toàn dựa trên kết quả của chiến tranh đại chúng. Cho nên, khi bản thể là chiến tranh ý thức hệ thì phương tiện dùng đến phải là chiến tranh tâm lý. Khi chiến tranh mưu kế là mục tiêu thì phương tiện là chiến tranh tình báo, khi chiến tranh đại chúng là cốt tủy của chiến dịch tổ chức thì nó được dùng làm phương tiện thiết yếu của chiến tranh ý thức hệ và mưu kế.

Trong khi các loại chiến tranh ý thức hệ, mưu kế và tổ chức được dùng chủ yếu để định hướng tại mức độ chiến lược thì chiến tranh tâm lý, tình báo và đại chúng được áp dụng tại mức độ chiến thuật. Những loại chiến tranh đó có thể tiến hành bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, do bất cứ ai bằng bất cứ phương pháp nào và cũng có thể theo cách thông thường hay bất thường, trực tiếp và công khai hay bí mật và vô hình. Các loại chiến tranh đó đều là "chiến tranh căn bản dựa trên trí thông minh nhưng cũng không loại bỏ trường hợp phải dùng sức bởi vì những loại chiến tranh đó dựa trên việc chứng tỏ sức mạnh mà không phải đánh hay bằng nổi dậy và bạo động có võ trang".

Các chiến dịch chính trị luôn luôn hiện hữu. Nó khởi sự trước khi chiến dịch quân sự bắt đầu và tiếp tục sau khi cuộc chiến chấm dứt. Chiến tranh chính trị sử dụng chiến tranh tâm lý, chiến tranh du kích và đặc công phá hoại hậu cần hay mặt tiền của địch. Cũng có thể áp dụng tại những vùng mới chiếm để ngăn chặn các toán du kích của địch khởi gây rối. Chiến tranh chính trị không dựa trên sức mạnh mà dựa trên thông minh và khôn ngoan. Theo Tưởng Giới

Thạch, chiến tranh chính trị là phần vụ tế nhị và cao siêu nhất của chiến tranh.

b/ Chiến Tranh Đại Chúng

Dựa trên sự giải thích của Tưởng Giới Thạch về ảnh hưởng hỗ tương giữa 6 loại chiến tranh chính trị, rõ ràng là chiến dịch chủ yếu tập trung vào chiến tranh đại chúng vì cả 6 loại, trừ chiến tranh mưu kế đều nhắm vào quần chúng hoặc do quần chúng đảm trách. Mục tiêu của chiến tranh tuyên truyền hay chiến tranh tâm lý là nhằm ảnh hưởng vào quần chúng. Chiến tranh tổ chức là nhằm xáo động quần chúng chiến đấu cho một mục tiêu. Cho nên chiến tranh đại chúng là tâm điểm của chiến tranh chính trị.

Xáo động quần chúng là công tác thiết yếu của chiến tranh đại chúng đạt được bằng phương thức tổ chức và vận động. Trước khi đoàn ngũ hóa được quần chúng, họ cần được vận động bằng tuyên truyền hay thuyết phục.

Khi thảo luận về vận động và tổ chức quần chúng, Tưởng Giới Thạch đề cập đến hai nguyên tắc mà trên một qui mô lớn tương tự như của Cộng Sản.

Nguyên tắc thứ nhất là "đi vào quần chúng". Tưởng công nói rằng đây là "lệnh và chí nguyện của Đảng ... Đó là bước đầu để tổ chức quần chúng".

Phương thức tổ chức quần chúng nổi tiếng của Cộng Sản bao gồm hai phần: từ quần chúng đi ra và trở lại với quần chúng. Nó đã được Cộng Sản đề ra như một tiến trình lý tưởng của việc đưa ra một chính sách. Trước khi đề ra một chính sách, các lãnh tụ Đảng đi tới quần chúng để thu thập tin tức hay lắng nghe những ý kiến của dân chúng địa phương: đây là tiến trình ghi nhận. Sau khi cân nhắc cẩn thận những ý kiến khác nhau của quần chúng, đảng ủy mới đề ra chính sách sơ khởi và đem trở lại để quần chúng thảo luận về giải pháp đó. Nếu có những phản ứng gì nổi bật đối với đề nghị đó, đảng sẽ lượng giá phản ứng của quần chúng để điều chỉnh hay sửa đổi những gì cần. Sau giai đoạn này, đảng sẽ dùng tuyên truyền để

phổ biến bản sửa đổi đó cho quần chúng. Quần chúng sẽ chấp nhận và thi hành nghị quyết sau cùng đó.

Mặc dầu Tưởng Giới Thạch không nói cách nào để việc đi vào quần chúng phù hợp với việc đề ra chính sách nhưng ông có nói là "hoạt động của Đảng trong đại chúng không giới hạn vào việc lôi kéo họ mà phải phải làm thế nào để nhận được tin tức cần thiết từ họ". Nếu như thế Tưởng Giới Thạch cũng có khái niệm về vận động quần chúng trong đầu.

Nguyên tắc thứ hai là một mặt trận thống nhất. Cộng Sản gọi là Thống Nhất Chiến Tuyến (Tongyi Zhanxian) trong khi Quốc Dân Đảng gọi là Liên Hợp Chiến Tuyến (Lianhe Zhanxian). Thật ra hai đảng cùng nói về một vấn đề.

Nếu người ta tin rằng nguyên tắc "đi vào quần chúng" được đưa ra nhằm tổ chức thường dân, mặt trận thống nhất là một dụng cụ để tổ chức các nhóm chính trị - xã hội đặc biệt. Theo Tưởng Tổng Tài, mặt trận thống nhất căn bản nhắm vào các tổ chức chính trị hay đảng phái hoặc trung lập trong xung đột giữa Quốc Dân Đảng và Cộng Sản hay chống Cộng nhưng độc lập với Quốc Dân Đảng. Chuyển hóa tính chất trung lập thành chống Cộng và kéo họ vào đặt dưới sự lãnh đạo của Quốc Dân Đảng là mục tiêu chính yếu của mặt trận thống nhất.

"Chủ nghĩa trung lập" nếu là một chiến lược, có thể được dùng trong chiến tranh chính trị cho những mục tiêu khác nhau. Nếu có những phần tử chống Quốc Dân Đảng hay thân Cộng thì đảng trước hết thuyết phục họ để họ giữ trung lập ngõ hầu tránh được việc tạo thêm kẻ thù.

Nếu nhóm đó giữ thái độ trung lập thì đảng sẽ dùng đủ cách có thể làm để đưa họ vào con đường thân Quốc gia. Ngoài ra, khi đảng trong vị thế phòng ngự, tổ chức đảng sẽ dùng chiến lược trung lập để bảo vệ các căn cứ nằm trong quần chúng. Chiến lược đó rất giống các chiến lược của Cộng Sản.

Trong việc xách động quần chúng, Tưởng Giới Thạch biết rằng việc xách động đó không thể dùng như một công cụ mà phải nhắm vào việc nâng cao trình độ giác ngộ của quần chúng. Trong quá khứ, xách động quần chúng thường được coi là một trò ma tịt do một số tay chuyên nghiệp giỏi về mị dân. Khi màn trình diễn chấm dứt thì xách động cũng xong. Vì thế, Tưởng công đòi hỏi Quốc Dân Đảng đổi phương hướng. Đảng phải nhận thức được rằng quần chúng là mục tiêu thiết yếu của cách mạng và kiến quốc. Không có mục tiêu nào ngoài những gì quần chúng quan tâm.

c/ Chiến tranh chính trị trong vùng địch

Vào cuối thập niên 1950, chính phủ Quốc Dân Đảng tuyên bố là "những nguyên tắc chiến lược của họ trong chiến tranh phản công chống lại chế độ Cộng Sản tại Hoa lục chủ yếu là một cuộc chiến tranh chính trị, quân sự chỉ đóng vai hỗ trợ". Chiến trường chính là lục địa chứ không phải là eo biển Đài Loan vì đây chỉ là một hậu cứ yểm trợ các chiến dịch tại Hoa lục.

Dựa trên viễn cảnh đó, Tưởng Giới Thạch tuyên bố thêm là cuộc chiến tranh cách mạng chống lại Cộng Sản trong tương lai sẽ được thực hiện trong lòng địch hay tại hậu cứ của địch. Ông khẳng định là phương pháp của ông sẽ tập trung 70% vào vùng địch chiếm và chỉ dùng 30% tại trận tiền. Ông còn tưởng tượng ra rằng khi chiến dịch trong lòng địch thành công, ông không những lấy được của địch lương thực mà cả súng ống đạn dược. Dưới con mắt của Tưởng Giới Thạch thì việc đó bảo đảm thắng lợi cuối cùng trong một cuộc chiến trường kỳ chống lại Cộng Sản.

Từ nhãn quan chiến lược đó, ông đề ra nguyên tắc tối thượng đằng sau các chiến thuật chống Cộng là tấn công kẻ thù từ hông hay từ sau. Ông muốn làm cho địch hoang mang bằng cách tấn công từ phía sau và bên hông, sau đó sẽ phá hủy các cơ sở và chặt đứt các đường giao thông.

Nói chung, tư tưởng của ông về việc đưa chiến tranh chính trị vào đằng sau địch là sản phẩm của hoàn cảnh. Sự chênh lệch về lực

lượng giữa hai bên, sự thiếu yểm trợ tích cực của Hoa Kỳ và các quốc gia không Cộng Sản khác trong việc thực hiện một chiến dịch tấn công vào Hoa lục bắt buộc ông phải nhấn nạnh vào chiến tranh chính trị trong lục địa mà không chính thức phát động một hành vi quân sự nào.

d/ Hành chánh Quân sự trong Khu vực Chiến tranh

Điểm sau cùng trong các quan niệm của Tưởng Giới Thạch về chiến tranh chính trị đáng đề cập đến ở đây là hành chánh quân sự trong khu vực chiến tranh.

Quân chánh đã có từ lâu trong lịch sử. Tuy nhiên nếu được coi như một vấn đề có tầm kích quan trọng trong chiến tranh thì tương đối mới phát triển và là sản phẩm của thời đại ngày nay. Quân chánh tại khu vực chiến tranh thành công và nổi tiếng nhất trong lịch sử hiện đại là hành chánh quân sự tại Đức và Nhật do các lực lượng Đồng Minh thành lập cuối Thế Chiến Thứ Hai. Mục tiêu của hành chánh là giúp cho phục hồi trật tự xã hội và hành chánh địa phương, bắt giữ và xử các can phạm chiến tranh và bảo vệ xã hội khỏi bị phá hoại.

Tại Trung Hoa mới, sau khi Cộng Sản đánh bại Quốc Dân Đảng, họ cũng thành lập quân chánh tại các vùng mới chinh phục nhất là các đô thị lớn. Họ gọi là Quân Quản tức là cai trị bởi quân đội. Quốc Dân Đảng thì mãi tới thập niên 1950 mới coi vấn đề quân chánh là quan trọng khi họ đặt vấn đề có thể sẽ phản công tái chiếm lục địa. Quân chánh lúc đó thuộc về Tổng Nha Công Tác Chính Trị.

Dùng nguyên tắc của chiến tranh chính trị, Tưởng Giới Thạch định nghĩa quân chánh trong vùng chiến tranh như sau:

Hành chánh quân sự trong vùng chiến tranh được xếp loại là một chiến dịch chính trị. Mọi người phải biết rằng chiến thắng quân sự chỉ là bước đầu, sự thành công của quân sự hành chánh mới thực sự và là chiến thắng sau cùng. Cho nên, hành chánh quân sự quan trọng hơn chiến dịch quân sự.

Vì hành chánh quân sự là một phần trách nhiệm của hệ thống chính ủy, do đó là nhiệm vụ của các chính trị viên. họ không những phải đảm nhiệm vai trò chính quyền địa phương và đảng bộ tại vùng mới khôi phục mà còn là nhân sự chính trong các công tác tổ chức, văn hóa, kinh tế trong thời kỳ tái thiết xã hội.

Dựa trên quan điểm đó, khi chiến dịch quân sự kết thúc, việc đầu tiên của các chính trị viên phải làm là thành lập chính quyền địa phương và văn hồi trật tự xã hội. Theo sau đó, chính quyền bắt đầu truy tầm các thành phần địch còn lẩn trốn và các kẻ phá hoại trị an khác. Sau khi tái lập trật tự, các cơ quan hành chánh bắt đầu các công tác tái thiết xã hội và kinh tế để yểm trợ cho chiến dịch quân sự đang tiếp diễn.

6. KẾT LUẬN - ẢNH HƯỞNG CỦA TƯỚNG GIỚI THẠCH TRONG CANH TÂN HÓA QUÂN SỰ

Tướng Giới Thạch là một quân sự gia chuyên nghiệp đã tham gia hầu hết các cuộc chiến tranh lớn trong lịch sử Trung Hoa cận đại. Chính ông là người chỉ huy quân đội Dân Quốc thống nhất Trung Hoa và kháng Nhật nhưng lại thua Mao Trạch Đông trong trận Nội Chiến. Những gì được và mất của cá nhân ông ảnh hưởng lớn trên sự phát triển của lịch sử chính trị Trung Hoa trong những năm gần đây. Thật khó có thể đánh giá ông một cách khách quan vì có quá nhiều khuynh hướng có thể làm thiên lệch cái nhìn của người bình luận.

Trong lịch sử Trung Hoa cận đại, Tướng Giới Thạch là một khuôn mặt chủ chốt trong tiến trình canh tân hóa quân sự. Từ thời Dương Vụ vận động vào giữa thế kỷ 19, các nhà cải cách Trung Hoa đã cố gắng nhiều cách để canh tân hệ thống quân sự Trung Hoa, nhưng không đạt được một kết quả khả quan cho tới đầu thế kỷ này, khi Viên Thế Khải bắt đầu du nhập phương pháp quân sự của Tây Phương để huấn luyện tân quân. Đây là một bước nhảy vọt trong tiến trình hiện đại hóa.

Sau khi thống nhất một nước Trung Hoa bị các quân phiệt chia cắt thành nhiều mảnh, Tưởng Giới Thạch đã đứng vào một vị trí hết sức thuận lợi cho công cuộc canh tân quân sự và xây dựng một quân đội thống nhất. Tuy nhiên ông chỉ thành công phần nào. Lý do quan trọng nhất của kết quả bất như ý này tình trạng hỗn loạn bất tận về chính trị và quân sự của giai đoạn đó. Từ khi hành quân Bắc Phạt thành công vào năm 1928, Trung Hoa trải qua khoảng 20 cuộc nổi loạn, nội chiến và xâm lăng của nước ngoài trong vòng chưa đầy một thập niên. Có lần chỉ vài tháng, có lần cả vài năm. Có việc ảnh hưởng một địa bàn rộng lớn, lan ra vài ba tỉnh. Những tranh chấp nội bộ đó chỉ ngừng lại khi quốc gia bắt buộc phải tham gia một cuộc chiến tranh tổng thể với Nhật Bản sau biến cố Lư Cầu Kiều (Marco Polo bridge incident) ngày 7 tháng 7 năm 1937. Tám năm Trung - Nhật chiến tranh cộng thêm 4 năm nội chiến Quốc - Cộng đã không cho phép Tưởng Giới Thạch hoàn thành các chương trình cải cách quân sự.

Nước Tàu vốn dĩ đã gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng về tài chánh nay lại phải gánh vác các cuộc chiến liên tục nên rơi vào tình trạng vỡ nợ. Người ta nói rằng năm 1928, 80% ngân sách quốc gia tiêu vào quân sự. Có khoảng 3 triệu người lính phải nuôi và con số càng gia tăng trong thời Trung Nhật chiến tranh và Nội Chiến.

Việc gia tăng quân số không đi đôi với phát triển kỹ nghệ quân sự nên không thể duy trì khả năng chiến đấu cho thích hợp. Để giải quyết vấn đề này, các giới chức quân sự không còn gì khác hơn là mua vũ khí của các lái buôn quốc tế hay nhận viện trợ từ nước ngoài. Khi vũ khí ngoại quốc tăng lên, thì cũng gia tăng cố vấn quân sự là những người được mời tới để giúp việc sử dụng các loại vũ khí nhập cảng này. Các vũ khí nhập cảng càng làm cho việc tiêu chuẩn hóa vũ khí cho binh sĩ Trung Hoa thêm khó khăn. Ảnh hưởng của các cố vấn quân sự ngoại quốc cũng có thể làm cho tình trạng thêm phức tạp và trì hoãn việc tiến hành công cuộc hiện đại hóa quân sự.

Những cố vấn đó cũng du nhập nhiều mô hình tổ chức cá biệt tại nhiều cấp độ khác nhau của quân đội Trung Hoa. Thế nhưng người Trung Hoa lại chẳng rành rẽ một loại mô hình nào. Khi liên

quan đến huấn luyện chiến thuật chiến lược thì người Tàu hầu hết chỉ bắt chước các nước Tây phương mà không cải biến cho phù hợp với tình thế của Trung Hoa. Trong khi đó, nghệ thuật quân sự cổ truyền không còn được các sĩ quan trẻ quan tâm đến nữa. Thành thử, quân đội quốc gia cũng chẳng hơn gì quân lực của nhiều quốc gia mới giành độc lập vốn dĩ không được các chính quốc huấn luyện chu đáo về chiến thuật chiến lược.

Sau khi chạy ra Đài Loan, Tưởng Giới Thạch không thể làm gì khác hơn là tùy thuộc vào sự yểm trợ về cả chính trị lẫn quân sự của người Mỹ. Quân đội Quốc Dân Đảng bắt đầu tiêu chuẩn hóa vũ khí dùng các vũ khí Hoa Kỳ. Họ cũng du nhập mô hình tổ chức và huấn luyện theo lối Mỹ. Một hệ thống giáo dục quân sự toàn bộ được thành lập. Các sĩ quan phải trải qua những khóa tái huấn luyện. Những công tác đó khiến cho quân đội Dân Quốc tiến bộ rõ rệt tương ứng với các vấn đề chiến lược chiến thuật.

Ngoài ra, sau khi Trung Cộng thử trái bom nguyên tử đầu tiên năm 1964, Tưởng Giới Thạch quyết định thành lập các chương trình nghiên cứu riêng để phát triển các vũ khí tân tiến bao gồm cả vũ khí hạch tâm, hỏa tiễn và hệ thống điện tử từ năm 1965. Ông tập trung nỗ lực của mười ngàn khoa học gia và kỹ thuật gia và đổ hàng trăm triệu dollars mỗi năm cho các dự án này.

Theo các tổng kết trên báo chí, sau hai mươi năm làm việc tích cực, chính phủ Đài Loan đã đạt được những thành quả đáng khích lệ. Nhiều loại hỏa tiễn đã thực hiện thành công. Không quân Đài Loan cũng có một trong năm loại máy bay huấn luyện. Máy bay này gần đây đã được biến chế để thành chiến đấu cơ A3. Các xưởng đóng tàu của Đài Loan cũng sản xuất nhiều loại chiến hạm tối tân thay thế các tàu lỗi thời. Họ cũng đã chế tạo một loại chiến xa mãnh liệt cỡ trung có tên là M48H.

Để đánh dấu sự tiến bộ của Quốc Dân Đảng và tri ân sự lãnh đạo của cố Tổng Tài, Bộ Tổng Tham Mưu quân đội Đài Loan mới đây đã đặt một máy phản lực do Dân Quốc chế tạo dùng trong chiến đấu cơ TFE-1042 trước mộ của Tưởng Giới Thạch.

Những thành tựu về phương diện vũ khí có lẽ chưa có thể cạnh tranh được với các siêu cường và cũng chưa làm cho Đài Loan không phải lệ thuộc vào cung cấp của nước ngoài và cũng chưa đủ hữu hiệu bảo vệ Đài Loan khỏi bị Cộng Sản xâm lấn. Thế nhưng trên nhãn quan lịch sử, người ta không thể không đồng ý rằng người Trung Hoa, bao gồm cả Đài Loan lẫn Hoa lục, đã đạt được một tiến bộ vượt bậc trong kỹ nghệ quân sự từ khi có cuộc Dương Vụ Vận Động bắt đầu vào thập niên 1860 tới nay. Dù sao chăng nữa, Tưởng Giới Thạch đã đóng góp vào những thành tựu ấy.

Là tổng tư lệnh quân đội Dân Quốc, trên nguyên tắc, Tưởng Giới Thạch là người có vai trò thích hợp nhất để thực hiện những phát triển đáng kể trong tư tưởng quân sự. Tuy nhiên, dù để lại nhiều công trình, những tác phẩm của ông không được phân minh và có sức thuyết phục như người ta chờ đợi ở một đại lãnh tụ. Tư tưởng của ông không được sắp xếp theo một cơ cấu hợp lý. Nhiều bàn luận thời gian đầu chỉ là phê bình liên quan đến một số vấn đề chứ không chứa đựng những nguyên tắc vĩ đại. Những công trình thực hiện tại Đài Loan đã cho thấy ông dành phần cuối của cuộc đời viết về quân sự nhất là triết học quân sự. Một số cố đưa ra những nguyên tắc chung trong khi một số khác nhằm giải quyết các vấn đề riêng biệt. Dù sao chăng nữa thì hầu hết đều chứng tỏ một khuynh hướng truyền thống. Nhiều thảo luận của ông về triết học, chiến lược, chiến thuật giống như những bài giảng nhập môn do một giáo sư soạn. Những bài đó không cho thấy cái nhãn quan sắc bén mà người ta mong đợi ở một đại chiến lược gia khi bàn về vấn đề. Nhiều bài chỉ là những kiến thức căn bản mang tính lý đương nhiên. Ông dành nhiều thời giờ bàn về các vấn đề triết học để tăng cường tính tu dưỡng của các sĩ quan. Tuy nhiên, dường như ông quá cường điệu ảnh hưởng triết học đối với khả năng chỉ huy quân sự trong chiến tranh. Ông nói về một cuộc phản công chống lại Cộng Sản trong tương lai, nhưng không có gì chứng tỏ rằng quan điểm của ông về chiến tranh đã thay đổi nhiều. Thực thế, những chiến lược, chiến thuật mà ông thích đưa ra vẫn chỉ để đối phó với kẻ địch cũ dùng chiến thuật cũ.

Dù Tưởng Giới Thạch và quân đội của ông đã sao chép các hệ thống quân sự ngoại quốc trong một thời gian dài, tư tưởng của ông cũng thiếu sáng tạo đáp ứng những thay đổi phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, ông vẫn đóng góp cho sự canh tân hóa quân sự của Trung Hoa. Sau nhiều thập niên nhận viện trợ quân sự của người Mỹ trong cả vũ khí lẫn huấn luyện, Tưởng Giới Thạch và các tướng lĩnh của ông đã đạt tới trình độ trưởng thành. Họ đã thuần thục triết học quân sự Âu Tây và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả của việc áp dụng. Với những thành tựu đó, không thể nào nghi ngờ gì về khả năng của họ đi từ giai đoạn sao chép sang giai đoạn tự tìm kiếm những phát kiến trong lãnh vực này. Tưởng Giới Thạch đã bắt đầu phê phán sự yếu kém về chiến lược của kẻ đồ đầu cũ là người Mỹ. Cho nên, sau khi duyệt lại sự phát triển về tư tưởng quân sự của ông so sánh với các giai đoạn trước đó, chúng ta có thể nói rằng Tưởng Giới Thạch đã đưa quân đội Dân Quốc từ một giai đoạn chỉ biết bắt chước hệ thống ngoại quốc sang giai đoạn có thể tự tìm lấy phương thức riêng để thích ứng với hoàn cảnh đặc thù của mình.